



HỆ THỐNG CỬA CÔNG NGHIỆP NAVIFLEX



NAVIFLEX

Thương hiệu chuyên tư vấn, thiết kế và sản xuất cửa công nghiệp hỗ trợ lưu thông và kiểm soát nhiệt độ môi trường như **cửa cuốn nhanh PVC, cửa trượt trần, cửa cuốn kim loại, cửa kho lạnh...** với kích thước chuẩn và tùy chỉnh theo yêu cầu, đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu.



MỤC LỤC

01. GIỚI THIỆU TỔNG QUAN	02
02. CHỨNG NHẬN TIÊU BIỂU	05
03. CỬA TRƯỢT TRẦN	06
04. CỬA CUỐN KIM LOẠI	13
05. CỬA CUỐN NHANH	19
06. CỬA KHO LẠNH	28
07. CỬA CHỐNG CHÁY	31
08. MÀN NHỰA PVC	39



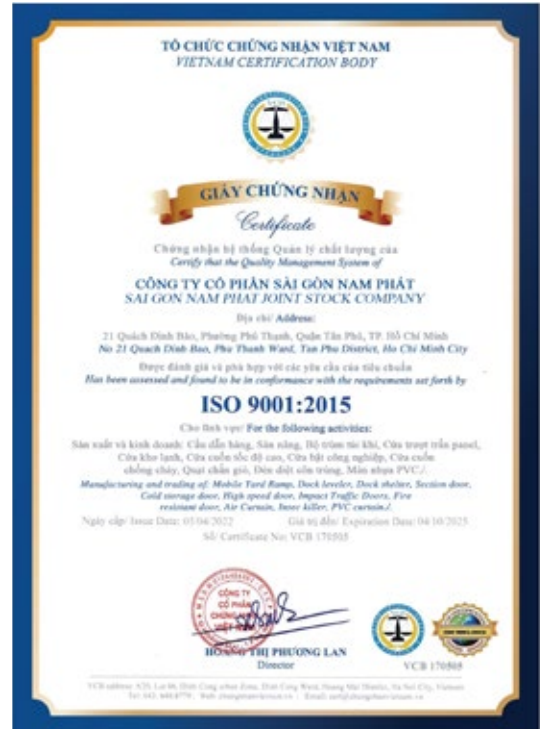
Năng Lực Sản Xuất

Sở hữu nhà máy sản xuất riêng với diện tích lên đến **8.500 m²** cùng nhiều máy móc, thiết bị hiện đại như robot hàn, máy cắt laser, máy chấn, dây chuyền sơn tĩnh điện... Cùng với hơn 60 kỹ sư, chuyên viên kỹ thuật và đội ngũ sản xuất nhiều năm kinh nghiệm cam kết đáp ứng kịp thời tiến độ.





CHỨNG NHẬN THƯƠNG HIỆU



ISO

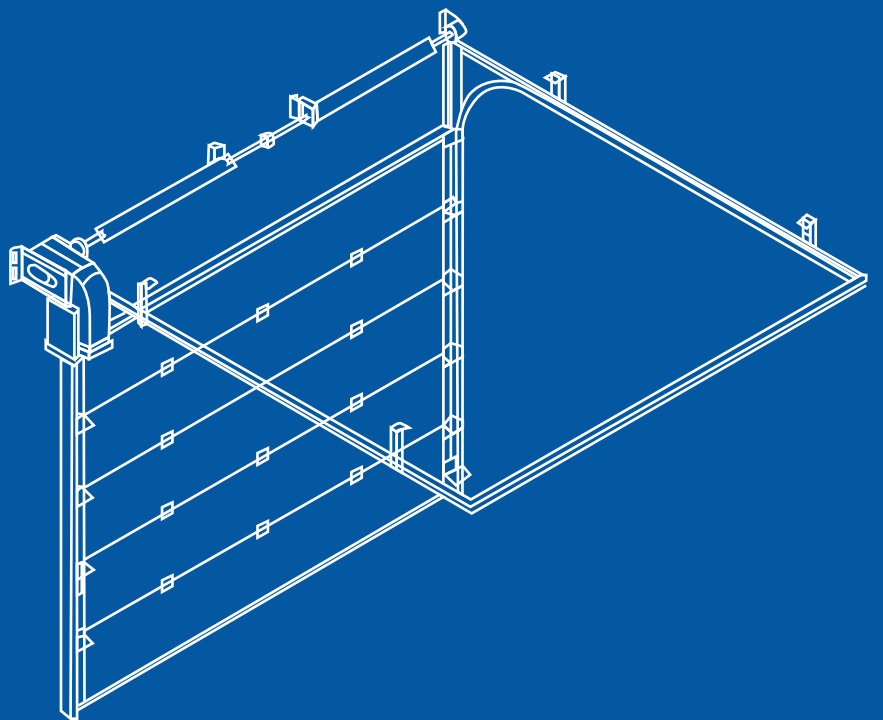


CE



KIỂM ĐỊNH PHƯƠNG TIỆN PCCC

CỬA TRƯỢT TRẦN



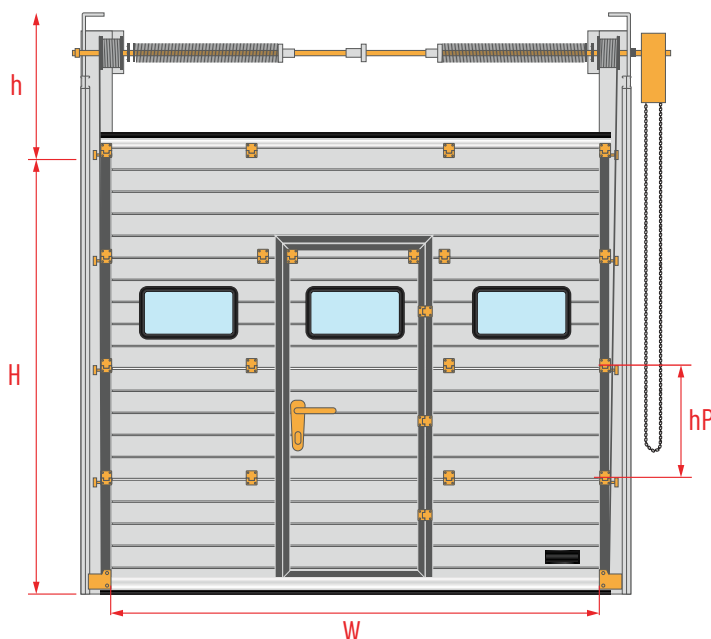
Ưu điểm

- Ngăn bụi bẩn, côn trùng và trở lưu thông nhanh chóng.
- Sức cản gió lớn từ cấp 10 - 12 (28 m/s - 35 m/s).
- Vận hành bền bỉ, không bị rung lắc khi đạt tốc độ cao nhất.
- Cảm biến vật cản airbag tự động cuộn ngược hạn chế rủi ro.

Thông số kỹ thuật

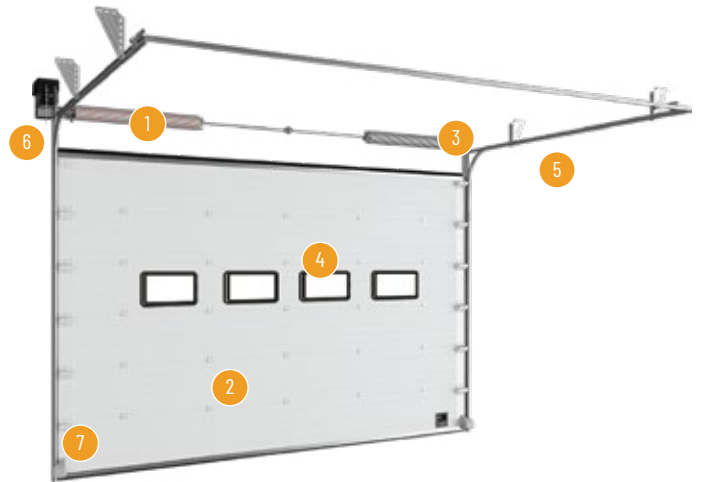
Kích thước tối đa (WxH)	8000x8000 (mm)
Tốc độ đóng/ mở cửa	0.3 (m/s)
Loại Panel	Tấm Sandwich (PU) PIR 2 lớp / Hợp kim nhôm
Độ dày tấm panel	42 (mm)
Mật độ tạo bọt PU	45 (kg/m ³)
Màu sắc Panel	Trắng ngọc trai / Theo yêu cầu
Bề mặt thép mạ kẽm	5+20 (micro) / 5+10 (micro)
Sức cản cửa gió	10 - 12 (28 m/s - 35 m/s)
Khả năng chịu nhiệt	Trên +10°C
Chu kỳ tần suất nén lò xo	10,000 - 25,000 (cycles)
Vận hành	Tùy chọn thiết bị đóng / mở
Công suất motor	0.37 - 1.5 (Kw)
Hiệu điện thế	1 pha 220 ± 10% V, 50 / 60HZ hoặc 3 pha 380 ± 10% V, 50 / 60HZ
Công nghệ	Sơn tĩnh điện tiêu chuẩn ASTM

Bản vẽ



Vị trí lắp đặt

Khu vực cửa chính thông với môi trường bên ngoài hoặc giao nhau giữa kho và phòng đệm, trong các nhà máy sản xuất, chế biến và logistic... nơi có tần suất vận chuyển hàng hóa thường xuyên và liên tục.



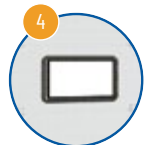
Lò xo xoắn đối trọng, độ bền đến 25000 chu kỳ



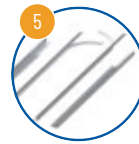
Panel



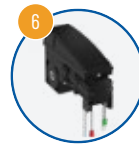
Cable Drum (Ru lô cáp)



Cửa sổ



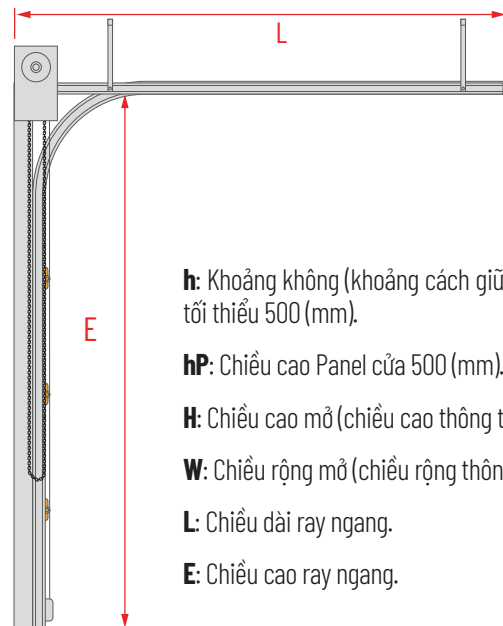
Ray



Motor



Khóa an toàn khi gặp sự cố hồng cấp.



h: Khoảng không (khoảng cách giữa đỉnh mở và trần) tối thiểu 500 (mm).

hP: Chiều cao Panel cửa 500 (mm).

H: Chiều cao mở (chiều cao thông thủy).

W: Chiều rộng mở (chiều rộng thông thủy).

L: Chiều dài ray ngang.

E: Chiều cao ray ngang.

Ưu điểm

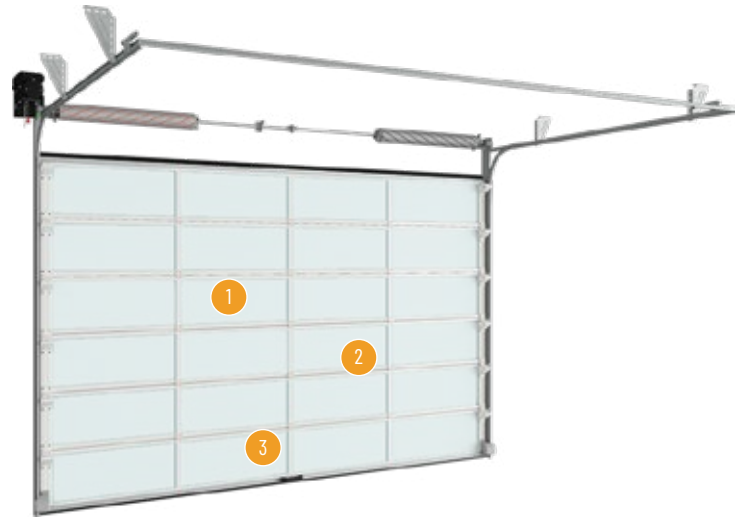
- Khung nhôm và mica trong suốt có tính xuyên sáng tốt đến 98%.
- Bền bỉ cùng khả năng chống gió tốt cấp 10 (28 m/s).
- Bề mặt cửa phẳng mịn, sáng bóng đạt tính thẩm mỹ.
- Cảm biến vật cản airbag tự động cuộn ngược hạn chế rủi ro.

Thông số kỹ thuật

Kích thước tối đa (WxH)	8000x8000 (mm)
Tốc độ đóng/ mở cửa	0.3 (m/s)
Loại Panel	Mica trong suốt
Độ dày tấm panel	42 (mm)
Mật độ tạo bọt PU	45 (kg/m ³)
Màu sắc Panel	Trắng sữa / Theo yêu cầu
Bề mặt thép mạ kẽm	5+20 (micro) / 5+10 (micro)
Sức cản của gió	10 - 12 (28 m/s - 35 m/s)
Khả năng chịu nhiệt	Trên + 10°C
Chu kỳ tần suất nén lò xo	10,000 - 25,000 (cycles)
Vận hành	Tùy chọn thiết bị đóng / mở
Công suất motor	0.37 - 1.5 (Kw)
Hiệu điện thế	1 pha 220 ± 10% V, 50 / 60HZ hoặc 3 pha 380 ± 10% V, 50 / 60HZ
Công nghệ	Sơn tĩnh điện tiêu chuẩn ASTM

Vị trí lắp đặt

Lắp đặt tại vị trí cửa chính của các showroom, cửa hàng 4S, khách sạn... vừa giúp lấy ánh sáng tốt lại còn hỗ trợ đóng mở cửa an toàn và nhanh chóng.



Panel cửa hợp kim nhôm và mica trong suốt

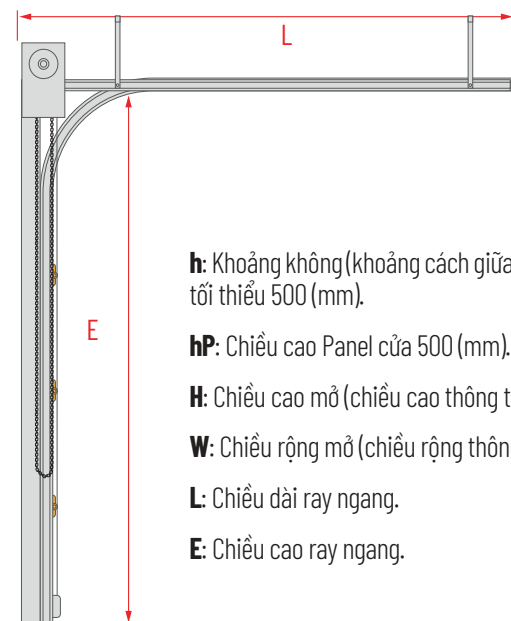
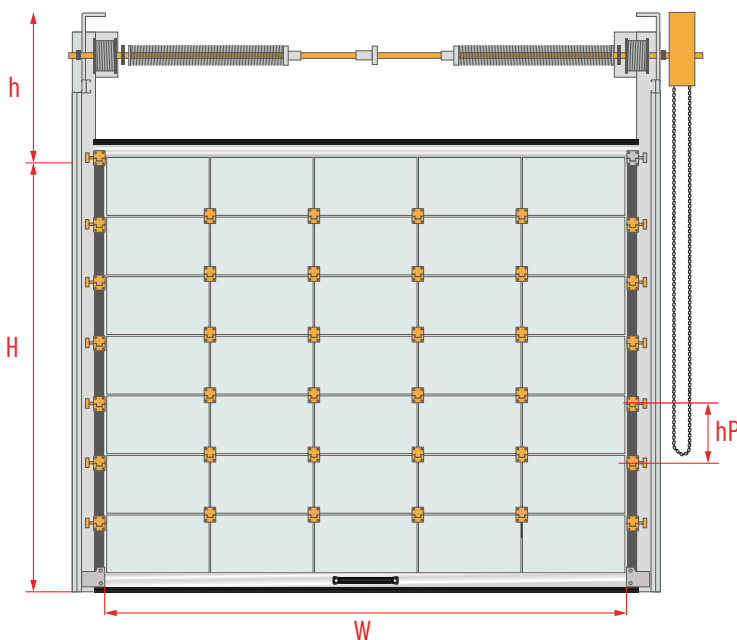


Khớp nối giữa 2 bản cửa



Tay kéo cửa

Bản vẽ



h: Khoảng không (khoảng cách giữa đỉnh mở và trần) tối thiểu 500 (mm).

hP: Chiều cao Panel cửa 500 (mm).

H: Chiều cao mở (chiều cao thông thủy).

W: Chiều rộng mở (chiều rộng thông thủy).

L: Chiều dài ray ngang.

E: Chiều cao ray ngang.

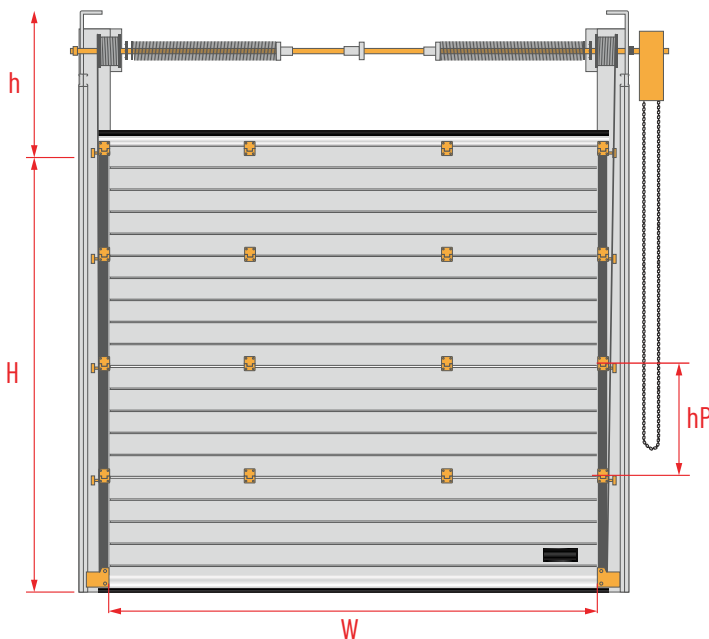
Ưu điểm

- Đảm bảo đến 99% về tình trạng chống thất thoát nhiệt.
- Cách âm, cách điện tối ưu với độ dày panel lên đến 42 mm.
- Vận hành ổn định ở môi trường lạnh âm sâu - 15°C.
- Cảm biến vật cản airbag tự động cuộn ngược hạn chế rủi ro.

Thông số kỹ thuật

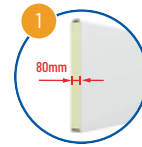
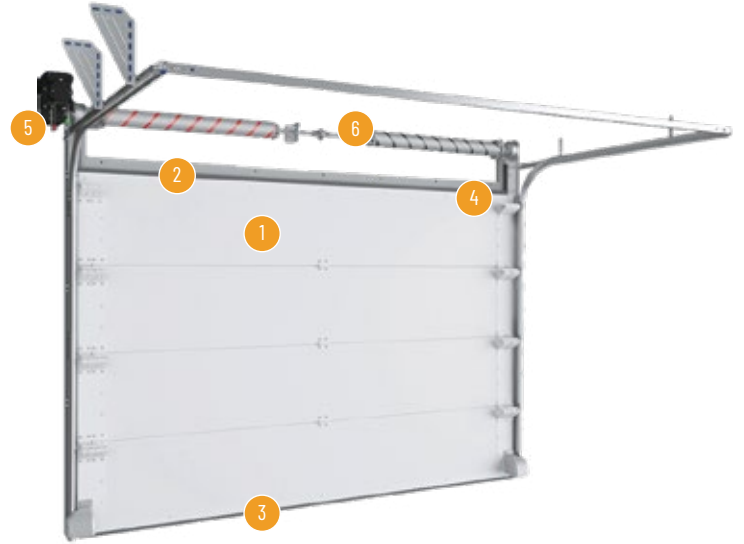
Kích thước tối đa (WxH)	8000x8000 (mm)
Tốc độ đóng/ mở cửa	0.3 (m/s)
Loại Panel	Tấm Sandwich (PU) PIR 2 lớp / Hộp kim nhôm
Độ dày tấm panel	42 (mm)
Mật độ tạo bọt PU	45 (kg/m ³)
Màu sắc Panel	Trắng sữa / Theo yêu cầu
Bề mặt thép mạ kẽm	5+20 (micro) / 5+10 (micro)
Sức cản của gió	10 - 12 (28 m/s - 35 m/s)
Khả năng chịu nhiệt	- 15°C đến 0°C (không đóng tuyết)
Chu kỳ tần suất nén lò xo	10,000 - 25,000 (cycles)
Vận hành	Tùy chọn thiết bị đóng / mở
Công suất motor	0.37 - 1.5 (Kw)
Hiệu điện thế	1 pha 220 ± 10% V, 50 / 60HZ hoặc 3 pha 380 ± 10% V, 50 / 60HZ
Công nghệ	Sơn tĩnh điện tiêu chuẩn ASTM

Bản vẽ



Vị trí lắp đặt

Dùng làm cửa thông với môi trường bên ngoài hoặc giao nhau giữa kho và phòng đệm tại nhà máy dược phẩm, thực phẩm, điện tử... Nơi yêu cầu khắt khe về nhiệt độ môi trường trong phòng sạch.



Panel cách nhiệt bề mặt ngăn chặn sự đóng băng



Gioăng cao su Panel đáy trên cửa



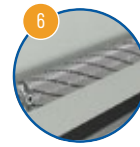
Gioăng cao su kẹp bản cửa đáy tiếp xúc sàn kho



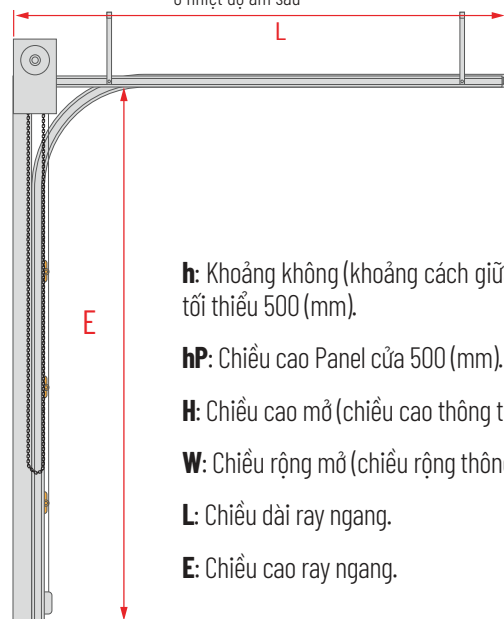
Gioăng cao su kẹp ngăn thất nhiệt giữa cánh cửa và tường



Motor chịu nhiệt độ âm sâu



Lò xo cân đối trọng giữ nguyên tính chất ở nhiệt độ âm sâu



h: Khoảng không (khoảng cách giữa đỉnh mở và trần) tối thiểu 500 (mm).

hP: Chiều cao Panel cửa 500 (mm).

H: Chiều cao mở (chiều cao thông thủy).

W: Chiều rộng mở (chiều rộng thông thủy).

L: Chiều dài ray ngang.

E: Chiều cao ray ngang.

Ưu điểm

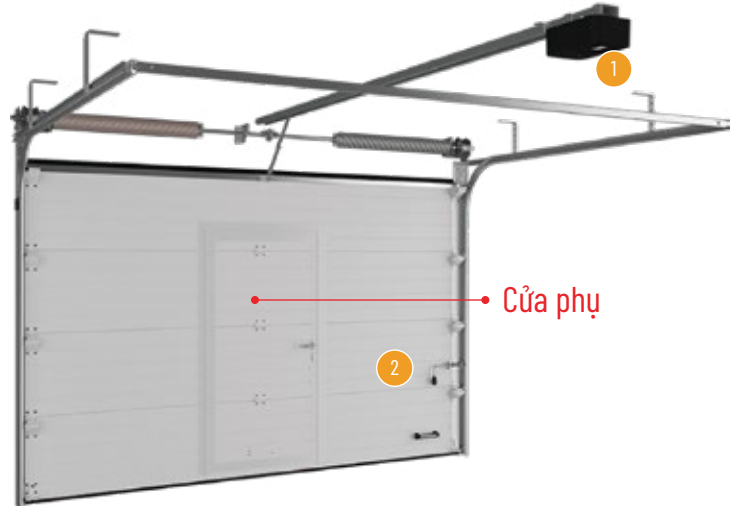
- Vận hành êm ái, cách âm tốt với $R = 24$ dB.
- Khả năng chống gió cùng đặc tính chống cháy cao.
- Đạt tính thẩm mỹ cao, phù hợp kiến trúc tòa nhà.
- Cảm biến vật cản airbag tự động cuộn ngược hạn chế rủi ro.

Thông số kỹ thuật

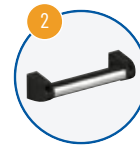
Kích thước tối đa (WxH)	8000x8000 (mm)
Tốc độ đóng/ mở cửa	0.3 (m/s)
Loại Panel	Tấm Sandwich (PU) PIR 2 lớp / Hợp kim nhôm
Độ dày tấm panel	42 (mm)
Mật độ tạo bọt PU	45 (kg/m ³)
Màu sắc Panel	Trắng sữa / Theo yêu cầu
Bề mặt thép mạ kẽm	5+20 (micro) / 5+10 (micro)
Sức cản của gió	10 - 12 (28 m/s - 35 m/s)
Khả năng chịu nhiệt	Trên +10°C
Chu kỳ tần suất nén lò xo	10,000 - 25,000 (cycles)
Vận hành	Tùy chọn thiết bị đóng / mở
Công suất motor	0.37 - 1.5 (Kw)
Hiệu điện thế	1 pha 220 ± 10% V, 50 / 60HZ hoặc 3 pha 380 ± 10% V, 50 / 60HZ
Công nghệ	Sơn tĩnh điện tiêu chuẩn ASTM

Vị trí lắp đặt

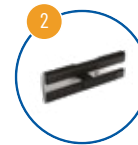
Sử dụng lắp đặt tại khu vực cửa chính của các gara sửa chữa xe ô tô hoặc bãi đỗ xe của các chung cư, căn hộ...



Motor kéo cửa

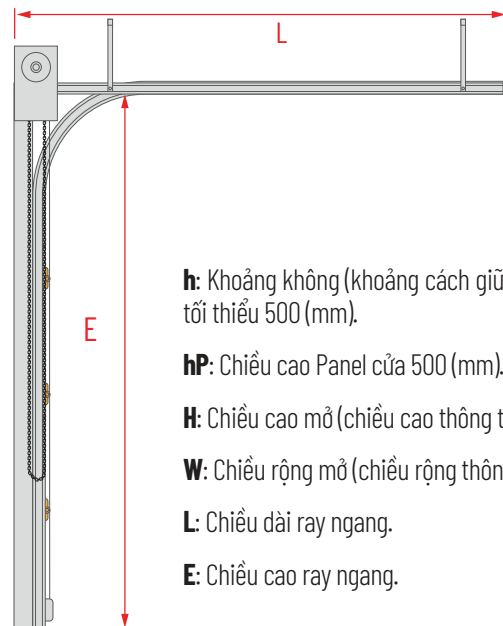
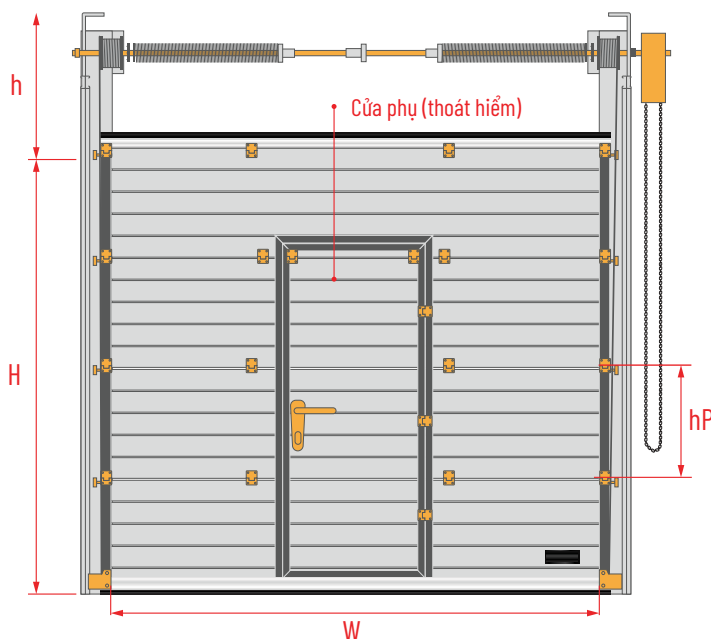


Tay kéo cửa



Khóa cửa

Bản vẽ



h: Khoảng không (khoảng cách giữa đỉnh mở và trần) tối thiểu 500 (mm).

hP: Chiều cao Panel cửa 500 (mm).

H: Chiều cao mở (chiều cao thông thủy).

W: Chiều rộng mở (chiều rộng thông thủy).

L: Chiều dài ray ngang.

E: Chiều cao ray ngang.

Ưu điểm

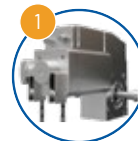
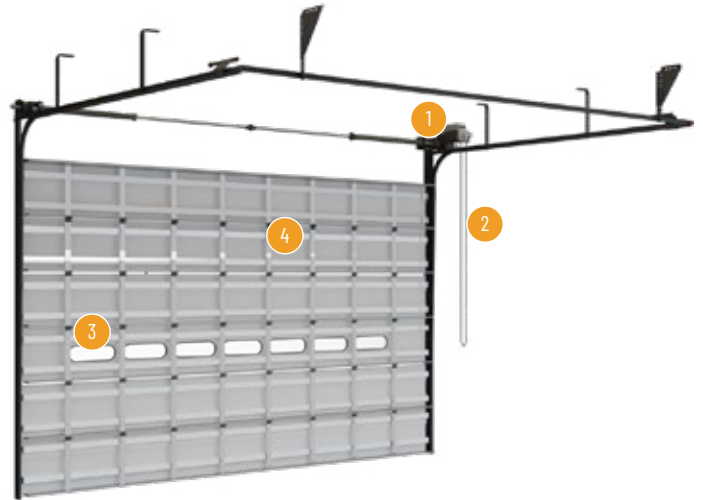
- Khung đỡ chắc chắn với hiệu suất chống gió lên đến 750Pa.
- Thanh nẹp chữ U chạy ngang khung cửa tạo độ kháng lực tốt.
- Bản lề bằng thép cao cấp giúp tăng độ ổn định, chống rung.
- Thiết kế đẹp, bề mặt cửa nhôm phủ sơn chống gỉ, tạo độ bền bỉ cao.

Thông số kỹ thuật

Kích thước tối đa (WxH)	15000x8000 (mm)
Tốc độ đóng/mở cửa	0,25m/s
Loại nhôm	Nhôm mạ kẽm 0.7 mm (± 0.1 mm)
Độ dày	Lớp phủ PE 0,2 μ m hai mặt
Ray	Thép mạ kẽm nhúng nóng 2mm
Màu sắc	Trắng xám / Theo yêu cầu
Sức cản của gió	750 Pa
Khả năng chịu nhiệt	Trên 10 độ C
Chu kỳ tần suất nén lò xo	25.000 - 30.000 (Cycles)
Vận hành	Tùy chọn thiết bị đóng / mở
Hiệu điện thế	380V, 3Pha, 50Hz
Công nghệ	Sơn tĩnh điện tiêu chuẩn ASTM

Vị trí lắp đặt

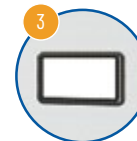
Sử dụng làm cửa chính hoặc giao nhau giữa kho và phòng đệm trong nhà máy sản xuất, chế biến và kho logistic... Phù hợp cho những địa điểm thường xuyên có bão, gió lớn hoặc điều kiện khí hậu khắc nghiệt.



Motor



Palăng xích

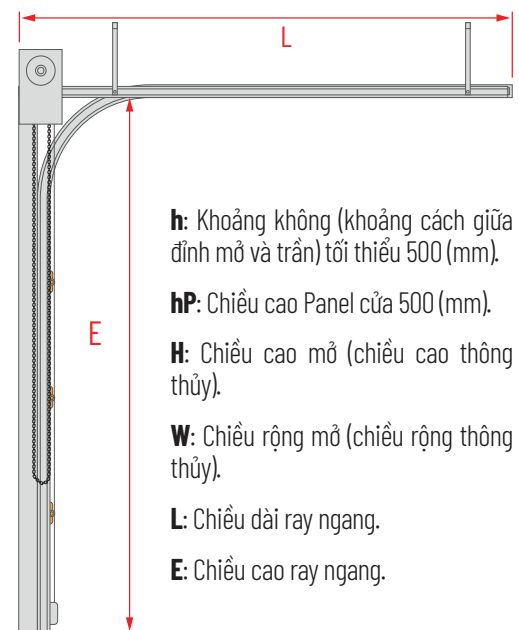
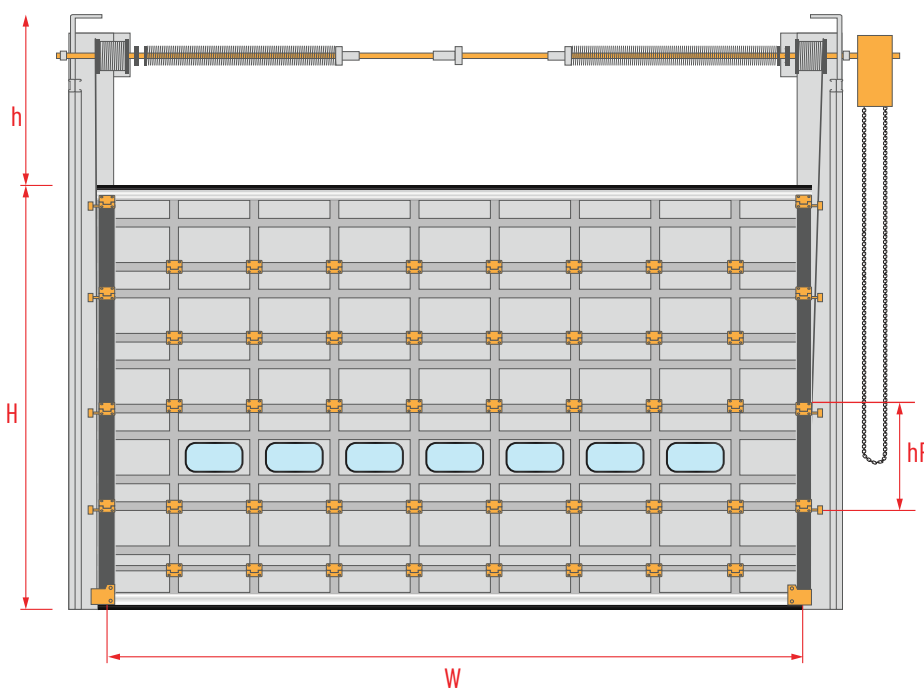


Cửa sổ



Bản lề

Bản vẽ



h: Khoảng không (khoảng cách giữa đỉnh mở và trần) tối thiểu 500 (mm).

hP: Chiều cao Panel cửa 500 (mm).

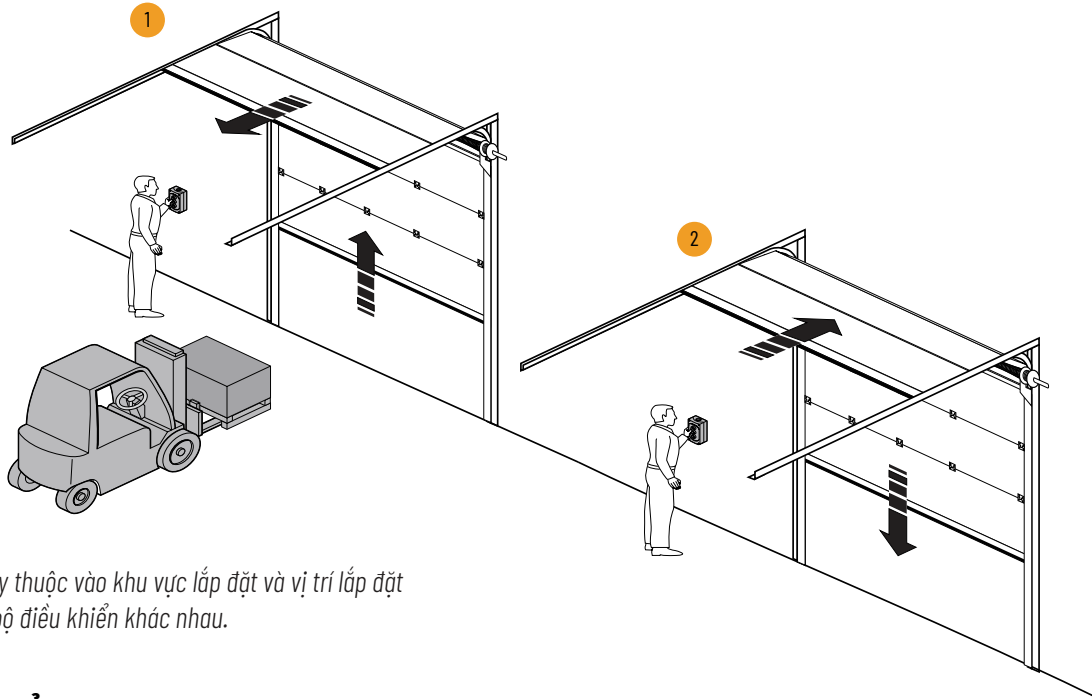
H: Chiều cao mở (chiều cao thông thủy).

W: Chiều rộng mở (chiều rộng thông thủy).

L: Chiều dài ray ngang.

E: Chiều cao ray ngang.

Cách vận hành cửa



*Ghi chú: Tùy thuộc vào khu vực lắp đặt và vị trí lắp đặt sẽ sử dụng bộ điều khiển khác nhau.

Phụ kiện cửa



Ray cửa



Motor kéo cửa



Motor



Chốt khóa cửa



Lò xo đối trọng



Ru lô cuốn cáp



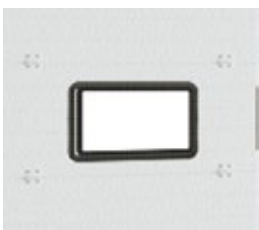
Tay kéo cửa



Cáp



Khóa an toàn



Cửa sổ

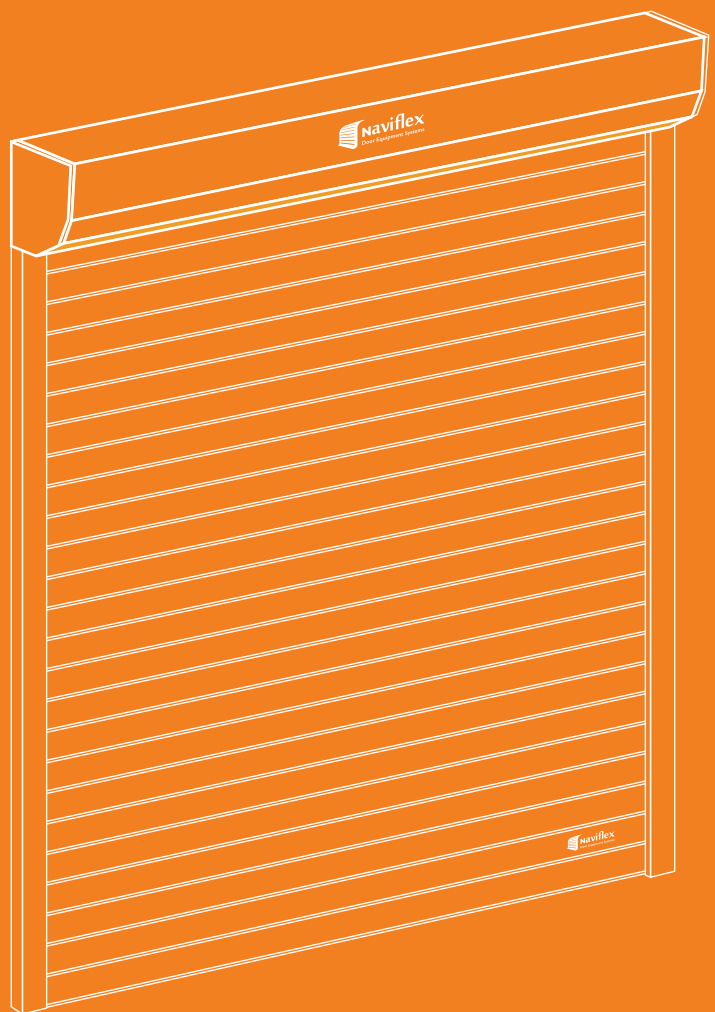


Bộ tời kéo tay



Cửa thoát hiểm

CỬA CUỐN KIM LOẠI



Ưu điểm

- Tấm thép có độ dày từ 0.6 - 1.2 (mm) tạo độ bền vững cao.
- Khe thoáng được lắp ở 2-3 nan giữa giúp lưu thông không khí.
- Chống va đập, cách âm, giảm thiểu độ ồn tối ưu.
- Hệ thống thông báo khi gặp sự cố, mở được bằng tay nếu mất điện.

Thông số kỹ thuật

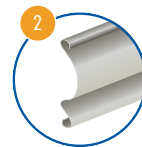
Kích thước tối đa (WxH)	6000x6000 (mm)
Tốc độ đóng, mở	0.3 (m/s)
Chất liệu nan cửa	Thép
Chiều rộng nan cửa	84 (mm)
Màu sắc nan cửa	Kem (màu tiêu chuẩn) / Theo yêu cầu
Công nghệ sơn	Sơn tĩnh điện tiêu chuẩn ASTM
Tần suất đóng mở liên tục	<10 phút
Nhiệt độ làm việc	0°C đến + 50°C
Độ ồn	R<60dB
Sức cản gió	Cấp 8
Vận hành	Nút nhấn / Remote
Công suất (motor)	Dựa theo diện tích cửa và môi trường sử dụng
Hiệu điện thế	1 pha 220 ± 10% V, 50 / 60HZ

Vị trí lắp đặt

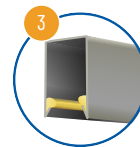
Sử dụng phổ biến tại nhà ở dân dụng và một số kho xưởng bảo quản hàng hóa... Lắp tại khu vực cửa cổng chính nhằm bảo vệ tài sản và cản gió.



Motor và bộ kéo cửa bằng xích



Nan cửa 0.6 - 1.0mm

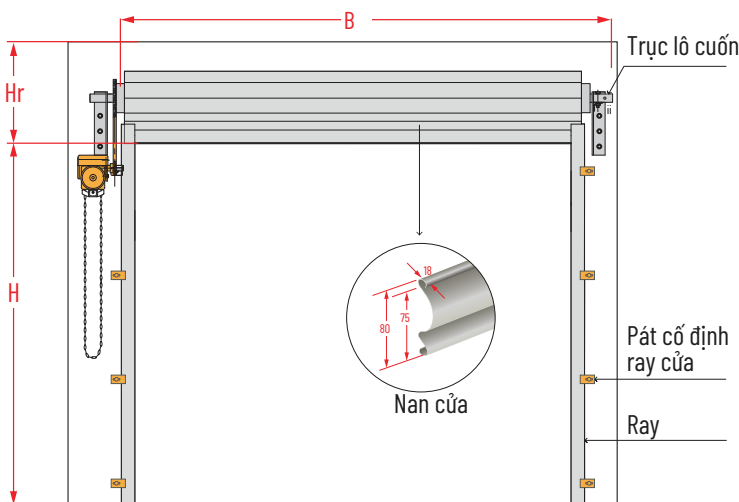


Ray cửa

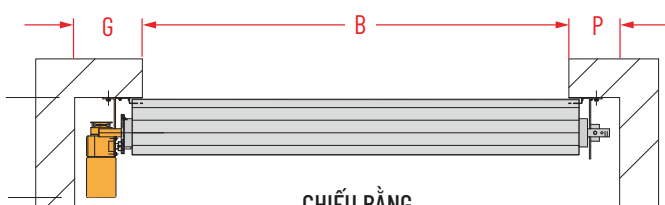


Trục lô cuốn

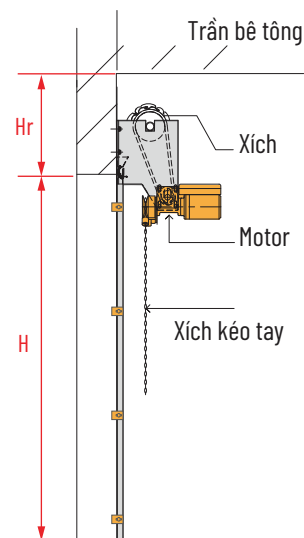
Bản vẽ



CHIẾU ĐỨNG



CHIẾU BẰNG



CHIẾU CẠNH

Hr: Khoảng không (khoảng cách giữa đỉnh mở và trần) tối thiểu 150 mm.

H: Chiều cao mở (khoảng cách từ sàn đến đỉnh mở).

B: Chiều rộng mở (khoảng cách giữa bên trái và bên phải của cửa mở).

P: Khoảng hở tối thiểu để lắp cửa phía không có motor.

G: Khoảng hở tối thiểu để lắp cửa phía motor.

Ưu điểm

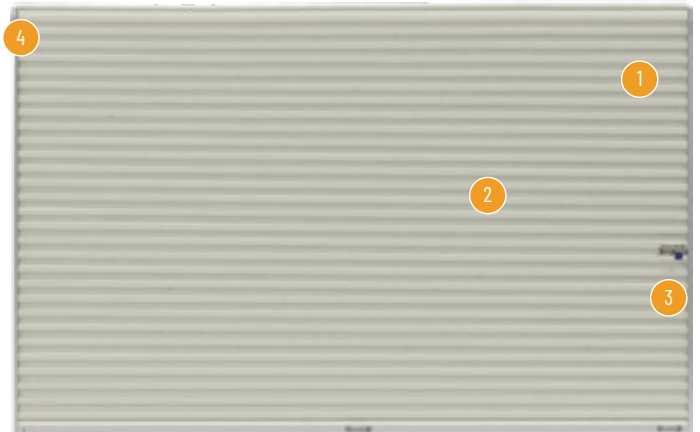
- Kích thước cửa lên đến 70 m² phù hợp với xưởng diện tích lớn.
- Nan cửa dày 1.2 - 1.6 (mm) chắc chắn, kháng gió, đảm bảo an ninh.
- Hành trình đóng mở cửa êm ái, ổn định hạn chế tối đa rủi ro.
- Mở được bằng tay nhờ sự trợ lực từ hệ lò xo giúp giảm ma sát.

Thông số kỹ thuật

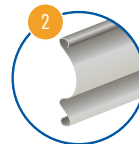
Kích thước tối đa (WxH)	10000x8000 (mm)
Tốc độ đóng, mở	0.3 (m/s)
Chất liệu nan cửa	Thép
Độ dày nan cửa	1.2 - 1.6 (mm)
Màu sắc nan cửa	Kem (màu tiêu chuẩn) / Theo yêu cầu
Công nghệ sơn	Sơn tĩnh điện tiêu chuẩn ASTM
Tần suất đóng mở liên tục	<10 phút
Nhiệt độ làm việc	0°C đến + 50°C
Độ ồn	R<60dB
Sức cản gió	Cấp 8
Vận hành	Nút nhấn / Remote
Công suất (motor)	Dựa theo diện tích cửa và môi trường sử dụng
Hiệu điện thế	1 pha 220 ± 10% V, 50 / 60HZ

Vị trí lắp đặt

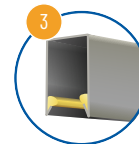
Lắp đặt ở khu vực cửa chính thông ra môi trường bên ngoài tại các kho xưởng, nhà máy sản xuất... Phù hợp với không gian lớn để các loại xe tải, ô tô, máy móc thiết bị quá khổ ra vào.



1 Motor và bộ kéo cửa bằng xích tải trọng 2000 (kg)



2 Nan cửa 1,2 - 1,6 (mm)

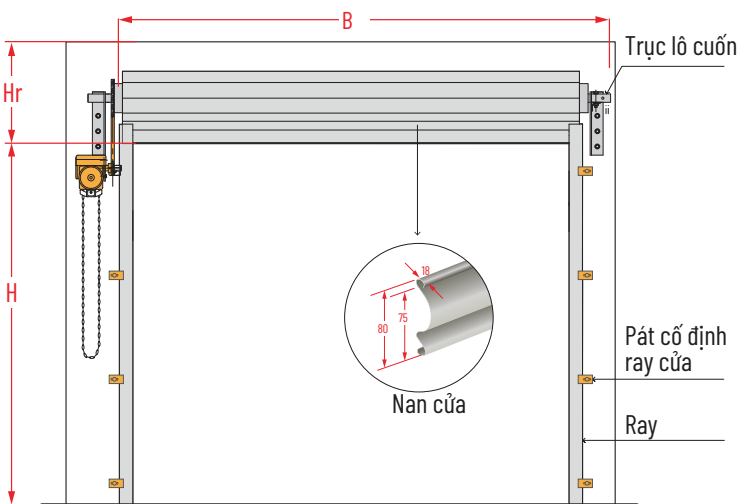


3 Ray cửa

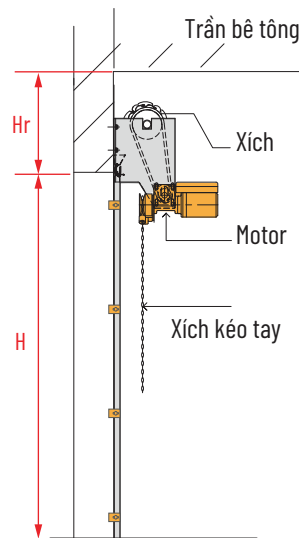


4 Trục lò cuốn

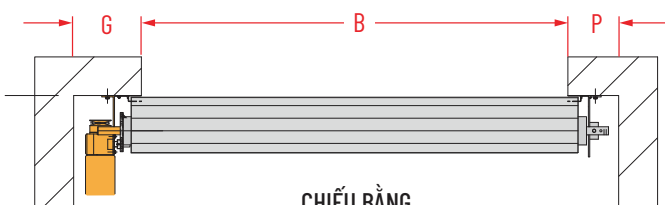
Bản vẽ



CHIẾU ĐỨNG



CHIẾU CẠNH



CHIẾU BẰNG

- Hr:** Khoảng không (khoảng cách giữa đỉnh mở và trần) tối thiểu 150 mm.
- H:** Chiều cao mở (khoảng cách từ sàn đến đỉnh mở).
- B:** Chiều rộng mở (khoảng cách giữa bên trái và bên phải của cửa mở).
- P:** Khoảng hở tối thiểu để lắp cửa phía không có motor.
- G:** Khoảng hở tối thiểu để lắp cửa phía motor.

Ưu điểm

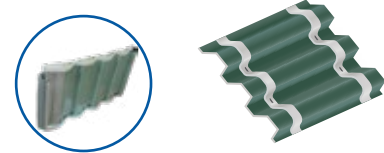
- Đóng mở nhanh, linh hoạt gấp 2-3 lần so với cửa khe thoáng.
- Thiết kế từ các nan thép dày tấm liền bản 500 mm tạo độ bền cao.
- Ngăn chặn sự truyền nhiệt và chống gỉ cao, tiết kiệm chi phí.
- Có thể mở cửa bằng tay trong trường hợp mất điện.

Thông số kỹ thuật

Kích thước tối đa (WxH)	6000x6000 (mm)
Tốc độ đóng, mở	0.3 (m/s)
Chất liệu nan cửa	Thép
Độ dày nan cửa	0.45 - 0.5 (mm)
Màu sắc nan cửa	Tô mạ 2 màu kem - xanh ngọc / Tùy chọn
Tần suất đóng mở liên tục	<10 phút
Nhiệt độ làm việc	0°C đến + 50°C
Vận hành	Nút nhấn / Remote
Công suất (motor)	Dựa theo diện tích cửa và môi trường sử dụng
Hiệu điện thế	1 pha 220 ± 10% V, 50 / 60HZ

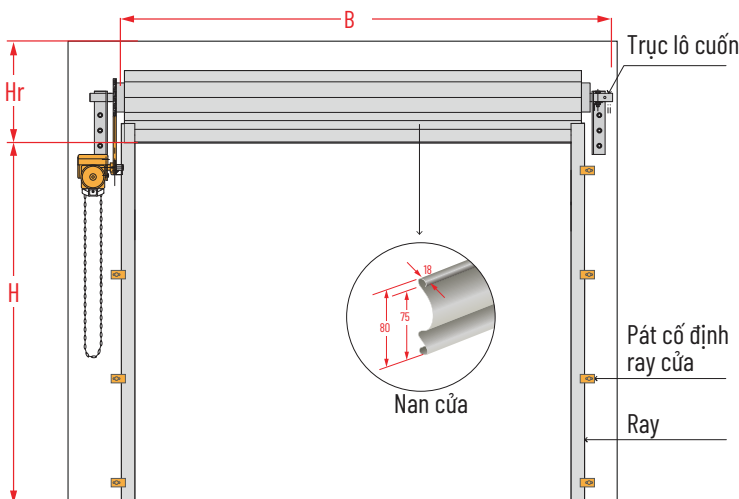
Vị trí lắp đặt

Được lựa chọn lắp đặt bên ngoài kho xưởng hoặc khu vực cửa chính nơi có mật độ lưu thông cao và cần kiểm soát an ninh như nhà máy, kho xưởng logistic.

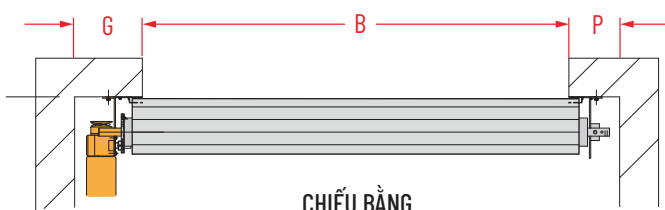


Nan cửa có dây polyglyne chạy dọc thân cửa giúp giảm ma sát

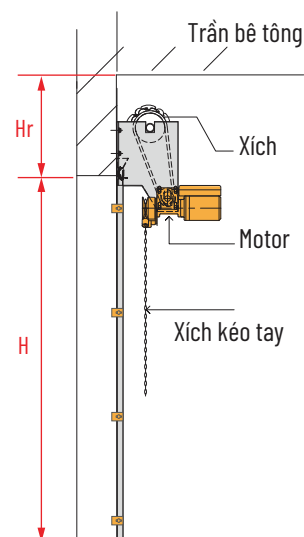
Bản vẽ



CHIẾU ĐỨNG



CHIẾU BẰNG



CHIẾU CẠNH

Hr: Khoảng không (khoảng cách giữa đỉnh mở và trần) tối thiểu 150 mm.

H: Chiều cao mở (khoảng cách từ sàn đến đỉnh mở).

B: Chiều rộng mở (khoảng cách giữa bên trái và bên phải của cửa mở).

P: Khoảng hở tối thiểu để lắp cửa phía không có motor.

G: Khoảng hở tối thiểu để lắp cửa phía motor.

Ưu điểm

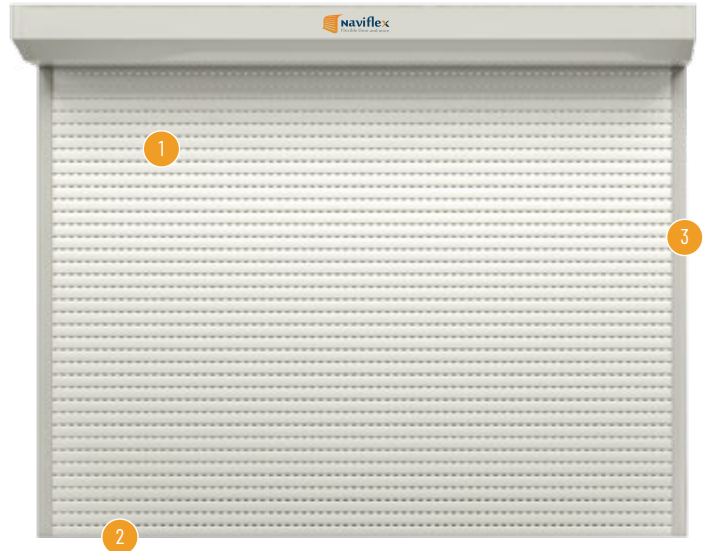
- Nan thép dày 0.8 - 1.2 mm giúp kháng gió và chịu lực tốt.
- Gioăng cao su giảm chấn giúp cửa vận hành bền bỉ, êm ái.
- Ngăn chặn sự truyền nhiệt và chống gỉ cao, tiết kiệm chi phí.
- Có thể mở cửa bằng tay trong trường hợp mất điện.

Thông số kỹ thuật

Kích thước tối đa (WxH)	6000x6000 (mm)								
Chất liệu nan cửa	Nhôm								
Độ dày nan cửa	0.8 - 1.2 (mm)								
Màu sắc nan cửa	<table border="1"> <tr> <td>RSD - 001</td> <td>RSD - 002</td> <td>RSD - 003</td> <td>RSD - 004</td> </tr> <tr> <td>RSD - 005</td> <td>RSD - 006</td> <td>RSD - 007</td> <td>RSD - 008</td> </tr> </table>	RSD - 001	RSD - 002	RSD - 003	RSD - 004	RSD - 005	RSD - 006	RSD - 007	RSD - 008
RSD - 001	RSD - 002	RSD - 003	RSD - 004						
RSD - 005	RSD - 006	RSD - 007	RSD - 008						
Tốc độ đóng, mở	0.3 (m/s)								
Nhiệt độ làm việc	0°C đến + 50°C								
Công suất (motor)	Dựa theo diện tích cửa và môi trường sử dụng								
Hiệu điện thế	1 pha 220 ± 10% V, 50 / 60HZ								
Độ ồn	R < 60dB								
Công nghệ	Sơn tĩnh điện tiêu chuẩn ASTM								
Vận hành	Nút nhấn / Điều khiển từ xa Remote								

Vị trí lắp đặt

Được lựa chọn lắp đặt bên ngoài kho xưởng hoặc khu vực cửa chính nơi có mật độ lưu thông cao và cần kiểm soát an ninh như nhà máy, kho xưởng logistic.



Nan cửa

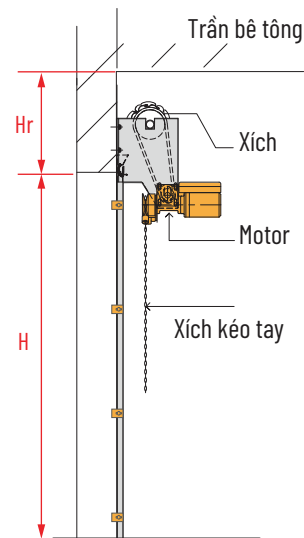
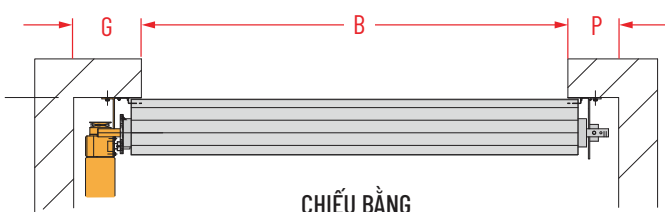
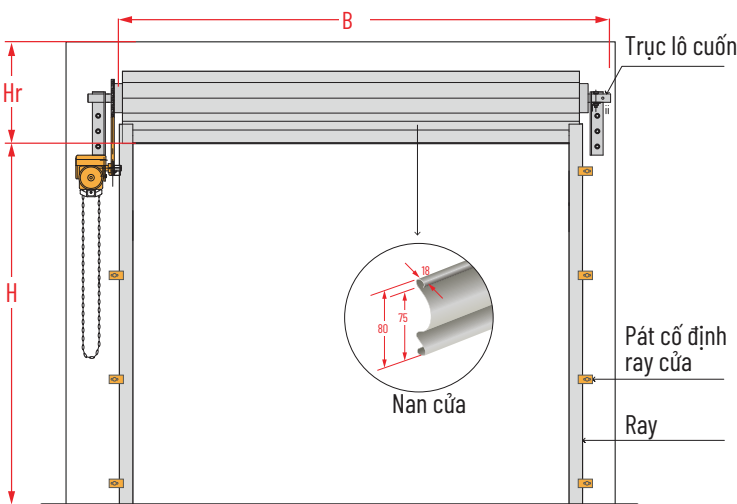


Gioăng cao su



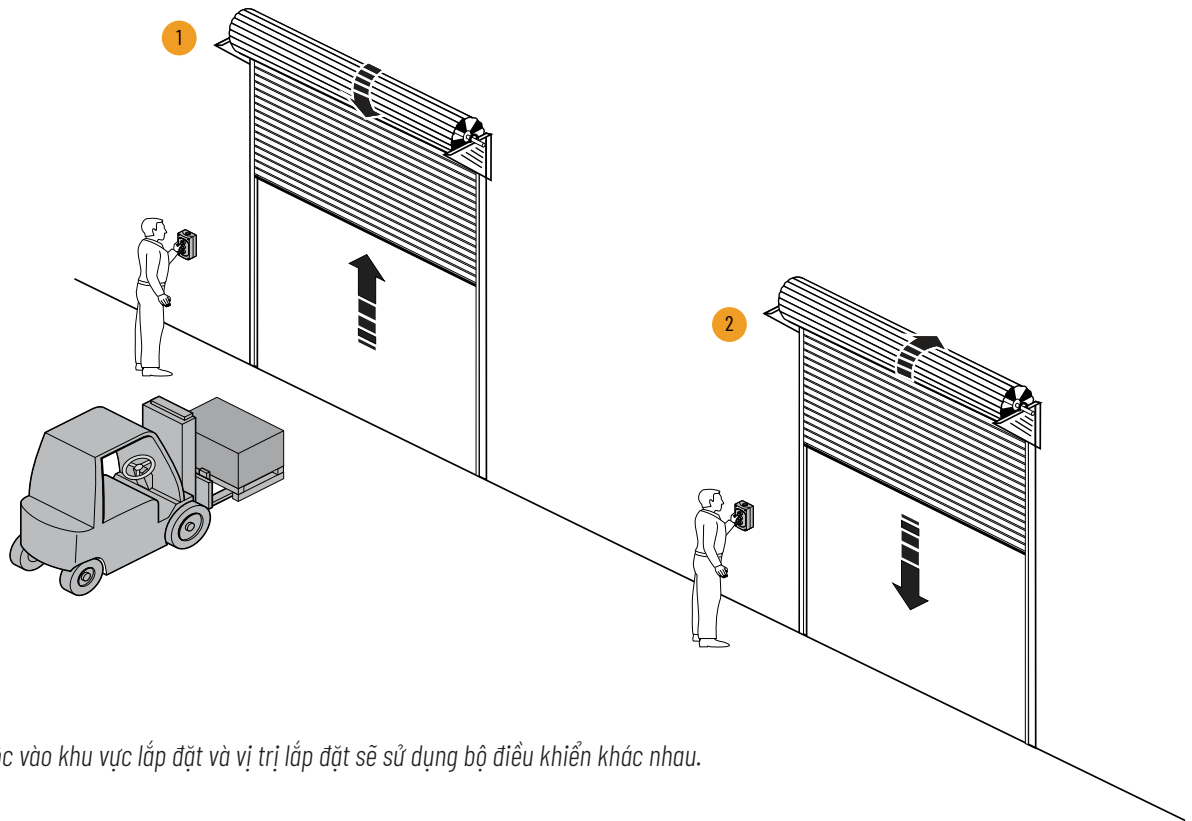
Ray cửa

Bản vẽ



- Hr:** Khoảng không (khoảng cách giữa đỉnh mở và trần) tối thiểu 150 mm.
- H:** Chiều cao mở (khoảng cách từ sàn đến đỉnh mở).
- B:** Chiều rộng mở (khoảng cách giữa bên trái và bên phải của cửa mở).
- P:** Khoảng hở tối thiểu để lắp cửa phía không có motor.
- G:** Khoảng hở tối thiểu để lắp cửa phía motor.

Cách vận hành cửa

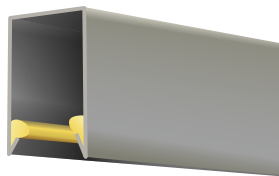


*Ghi chú: tùy thuộc vào khu vực lắp đặt và vị trí lắp đặt sẽ sử dụng bộ điều khiển khác nhau.

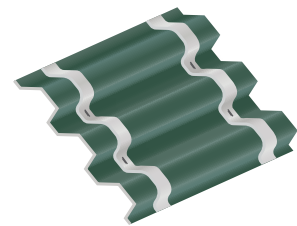
Phụ kiện cửa



Motor 1200 - 2000kg



Ray cửa



Nan cửa tấm liên



Gioăng cao su

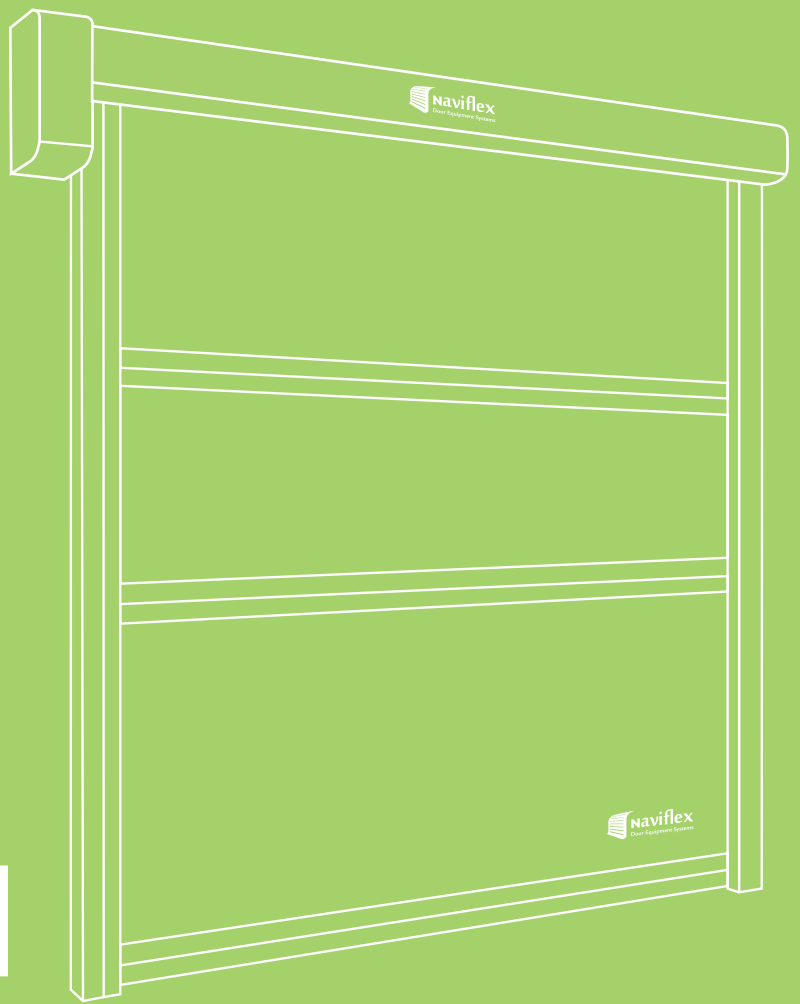


Nan cửa



Hộp che trục lô cuốn

CỬA CUỐN NHANH



Ưu điểm

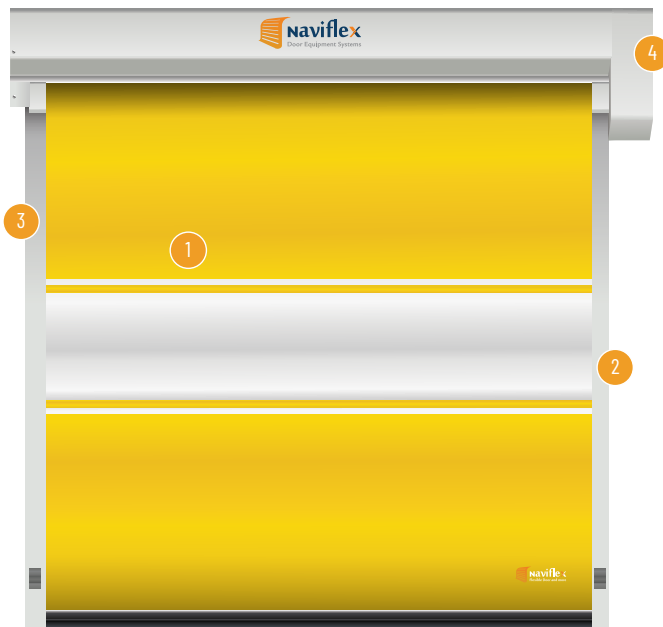
- Hỗ trợ lưu thông, đóng mở linh hoạt 0.6 - 2.0 (m/s).
- Ngăn bụi bẩn, côn trùng cùng độ bền cao.
- Màn PVC nhẹ, không bị rung lắc khi hoạt động 1000 lần/ngày.
- Hệ thống điều khiển đa dạng như: remote, cảm biến nền, nút nhấn.

Thông số kỹ thuật

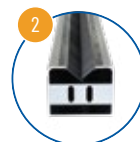
Kích thước tối đa (WxH)	6000x6000 (mm)
Tốc độ đóng/mở	0.6 - 2.0 (m/s)
Chất liệu màn cửa	Vải Polyester 2 mặt phủ PVC
Độ dày màn cửa	1 - 2 (mm) (Theo yêu cầu)
Màu màn	RAL 5010 RAL 1003 RAL 2004 RAL 9005
Công nghệ	Sơn tĩnh điện tiêu chuẩn ASTM (Khung cửa và hộp che)
Độ ồn	R<30dB
Nhiệt độ làm việc	Trên +10°C (Không đông tuyết)
Hệ thống điều khiển	Tùy chọn dựa trên tần suất, diện tích khu vực đóng mở, điều kiện môi trường
Thiết bị an toàn	Cảm biến an toàn, cuốn ngược
Công suất (motor)	0.75 - 2.2 (Kw) (tùy diện tích cửa và môi trường lắp đặt)
Chỉ số chống bụi và nước	IP55 / IP65
Hiệu điện thế	1 pha 220 ± 10% V, 50 / 60HZ hoặc 3 pha 380 ± 10% V, 50 / 60HZ

Vị trí lắp đặt

Lắp bên ngoài kho xưởng hoặc từ khu vực xưởng/ kho này qua khu vực xưởng/ kho khác trong nhà máy sản xuất bao bì, linh kiện điện tử, dược phẩm..., nơi có nhiệt độ trên 10°C.



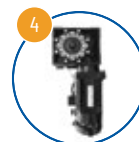
Màn cửa vải Polyester 2 mặt phủ PVC



Ray cửa có lồng chối

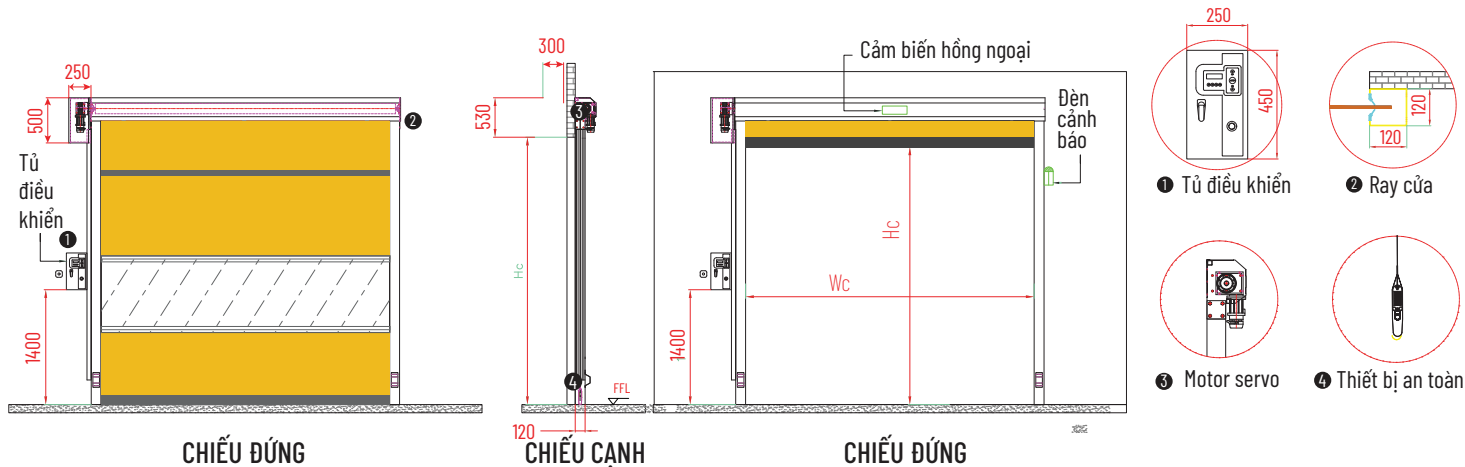


Hộp điện



Motor

Bản vẽ



Hc: Chiều cao thông thủy (lọt lồng).

Wc: Chiều rộng thông thủy (lọt lồng).

Wt: Khoảng hở tối thiểu để lắp cửa phía không có motor.

Wf: Khoảng hở tối thiểu để lắp cửa phía motor.

Ưu điểm

- Tự phục hồi lại ban đầu sau khi gặp va chạm, đảm bảo an toàn.
- Màn cửa bung ra và tự động cuộn ngược không gây hư hỏng.
- Kết cấu hệ ray khác biệt tăng 99% khả năng chống thất thoát nhiệt.
- Hoạt động bền bỉ với tần suất đóng mở 1000 lần/ngày.

Thông số kỹ thuật

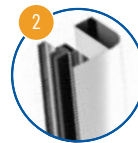
Kích thước tối đa (WxH)	3000x6000 (mm) / Theo yêu cầu
Tốc độ đóng/mở	0.6 - 2.0 (m/s)
Chất liệu màn cửa	Vải Polyester 2 mặt phủ PVC
Độ dày màn cửa	1 - 2 (mm) (Theo yêu cầu)
Màu màn	RAL 5010 RAL 1003 RAL 2004 RAL 9005
Công nghệ	Sơn tĩnh điện tiêu chuẩn ASTM
Độ ồn	R<30dB
Nhiệt độ làm việc	0°C đến +10°C (Không đông tuyết)
Hệ thống điều khiển	Tùy chọn dựa trên tần suất, diện tích khu vực đóng mở, điều kiện môi trường
Thiết bị an toàn	Cảm biến an toàn, cuộn ngược
Công suất (motor)	0.75 - 2.2 (Kw) (tùy diện tích cửa và môi trường lắp đặt)
Chỉ số chống bụi và nước	IP55 / IP65
Hiệu điện thế	1 pha 220 ± 10% V, 50 / 60HZ hoặc 3 pha 380 ± 10% V, 50 / 60HZ

Vị trí lắp đặt

Cửa được lắp bên trong kho mát hoặc kho đông từ 0°C đến 10°C nơi có tần suất lưu thông cao nhưng vẫn đảm bảo nhiệt độ như kho lưu trữ dược phẩm, thủy hải sản.



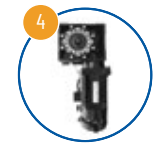
Màn và zip nối ray



Ray cửa phục hồi

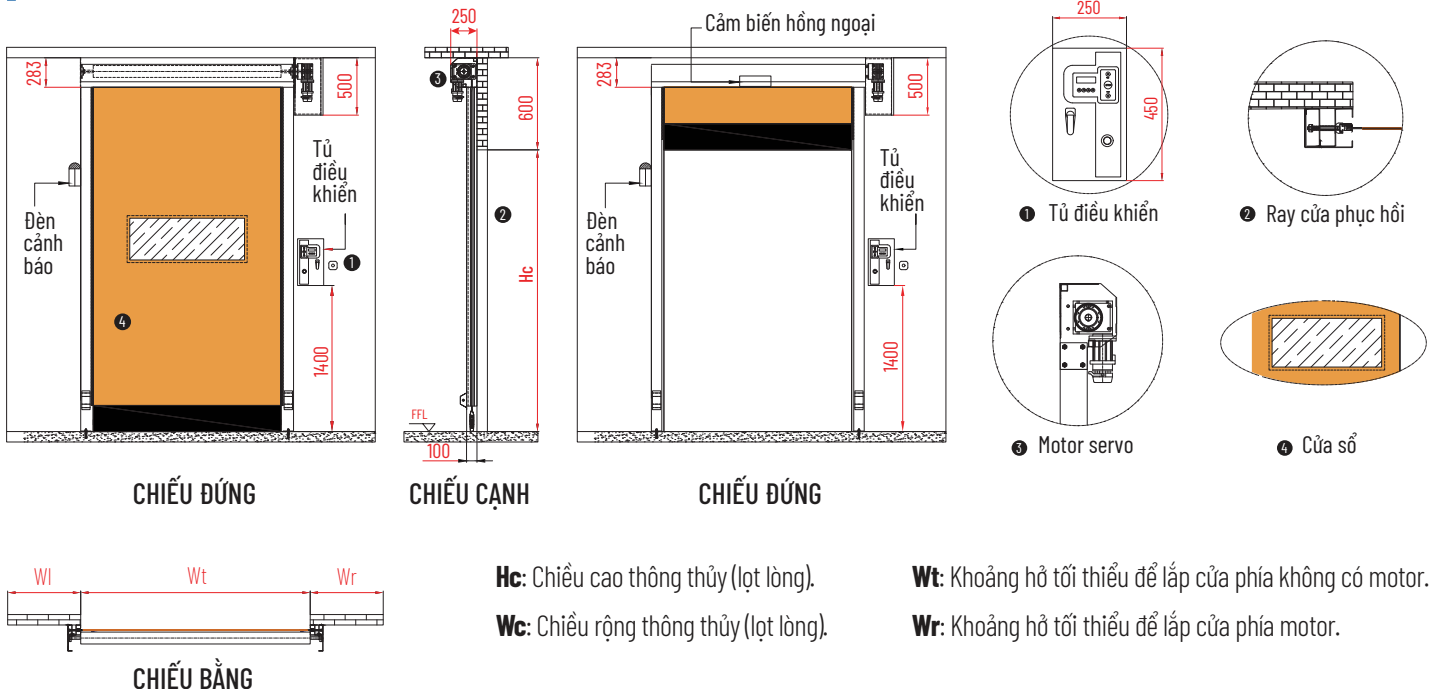


Hộp điện



Motor

Bản vẽ



Ưu điểm

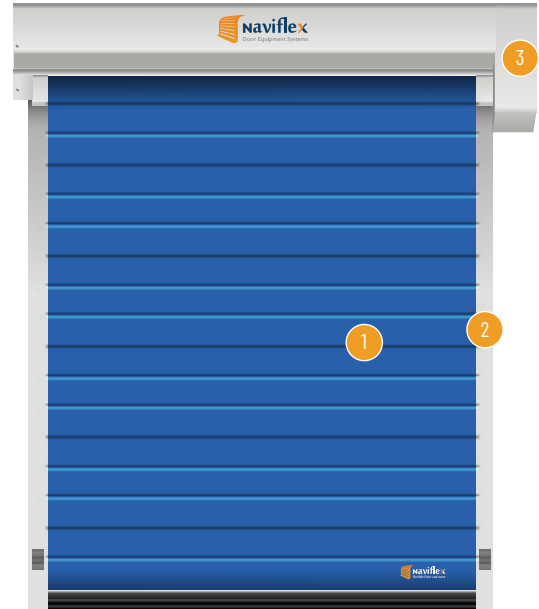
- Đóng mở nhanh min 0.6 – max 2 m/s, tiết kiệm thời gian.
- Hoạt động bền bỉ cho kho đông lạnh từ -25°C không đông tuyết.
- Lớp mút cách nhiệt, cách điện ngăn thất thoát hơi lạnh.
- Không bị rách màn khi xảy ra va chạm, tối ưu chi phí đầu tư.

Thông số kỹ thuật

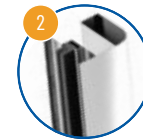
Kích thước tối đa (WxH)	3000x6000 (mm) / Theo yêu cầu
Tốc độ đóng/mở	0.6 - 2.0 (m/s)
Chất liệu màn cửa	Vải Polyester 2 mặt phủ PVC
Độ dày màn cửa	5 (mm) (bao gồm mút cách nhiệt) / Theo yêu cầu
Màu màn	RAL 5010 RAL 1003 RAL 2004 RAL 9005
Công nghệ	Sơn tĩnh điện tiêu chuẩn ASTM
Độ ồn	R<30dB
Nhiệt độ làm việc	-25°C đến +0°C (Không đông tuyết)
Hệ thống điều khiển	Tùy chọn dựa trên tần suất, diện tích khu vực đóng mở, điều kiện môi trường
Thiết bị an toàn	Cảm biến an toàn, cuộn ngược
Công suất (motor)	0.75 - 2.2 (Kw)
Chỉ số chống bụi và nước	IP65
Hiệu điện thế	1 pha 220 ± 10% V, 50 / 60HZ hoặc 3 pha 380 ± 10% V, 50 / 60HZ

Vị trí lắp đặt

Sử dụng bên trong nhà máy để hỗ trợ lưu thông và ngăn cách khu vực kho này qua khu vực kho khác. Đặc biệt là vị trí cửa đóng mở giữa kho mát và kho đông trong phạm vi -25°C đến 0°C.



Màn và zip nối ray

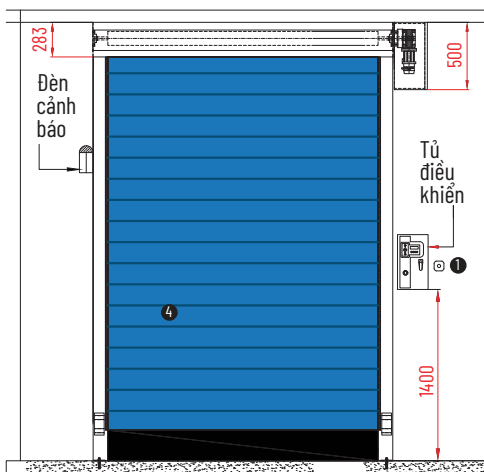


Ray cửa phục hồi

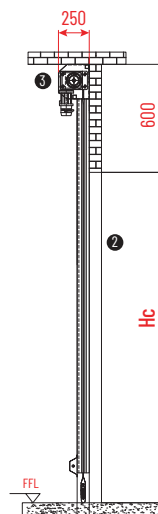


Motor

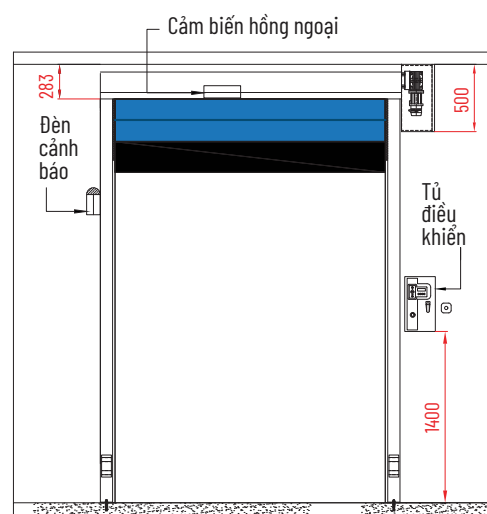
Bản vẽ



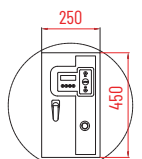
CHIẾU ĐỨNG



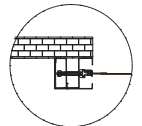
CHIẾU CẠNH



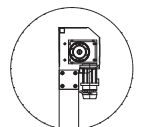
CHIẾU ĐỨNG



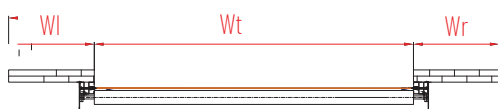
❶ Tủ điều khiển



❷ Ray cửa phục hồi



❸ Motor servo



CHIẾU BẰNG

Hc: Chiều cao thông thủy (lọt lòng).

Wt: Khoảng hở tối thiểu để lắp cửa phía không có motor.

Wc: Chiều rộng thông thủy (lọt lòng).

Wr: Khoảng hở tối thiểu để lắp cửa phía motor.

Ưu điểm

- Đóng mở 1000 lần/ngày với tốc độ max 1.5 m/s hỗ trợ lưu thông.
- Thanh xương hợp kim nhôm chạy ngang qua tạo lực căng, kháng gió.
- Đáp ứng các loại cửa có diện tích cửa lớn hơn so với thông thường.
- Cơ chế đóng mở theo từng lớp, tạo độ ổn định cao.

Thông số kỹ thuật

Kích thước tối đa (WxH)	12000x8000 (mm) / Theo yêu cầu
Tốc độ đóng/mở	0.6 - 1.5 (m/s)
Cơ chế đóng mở	Xếp lớp
Độ dày màn cửa	1 - 2 (mm) (Theo yêu cầu)
Màu sắc màn cửa	RAL 5010 RAL 1003 RAL 2004 RAL 9005
Công nghệ	Sơn tĩnh điện tiêu chuẩn ASTM
Độ ồn	R<30dB
Nhiệt độ làm việc	Trên +10°C (Không đông tuyết)
Hệ thống điều khiển	Tùy chọn dựa trên tần suất, diện tích khu vực đóng mở, điều kiện môi trường
Thiết bị an toàn	Cảm biến an toàn, cuộn ngược
Công suất (motor)	0.75 - 2.2 (Kw)
Chỉ số chống bụi và nước	IP54 / IP65
Hiệu điện thế	1 pha 220 ± 10% V, 50 / 60HZ hoặc 3 pha 380 ± 10% V, 50 / 60HZ

Vị trí lắp đặt

Làm cửa chính lắp bên ngoài xưởng nơi có diện tích lớn từ 20m² trở lên, thích hợp cho những khu vực chênh lệch áp suất lớn như nhà máy sản xuất, bãi đỗ máy bay, kho tập kết hàng tại bến tàu.



Dây rút và thanh ngang

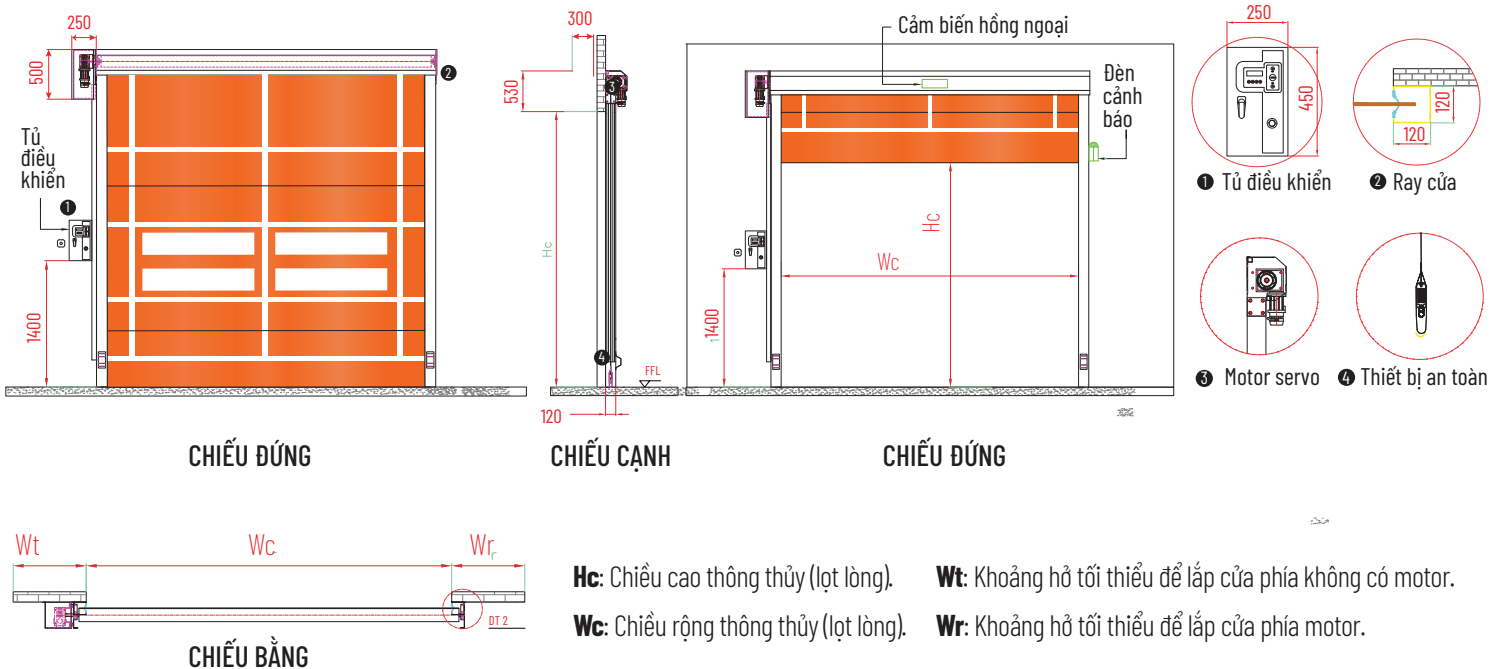


Trục cuộn dây rút



Motor

Bản vẽ



Ưu điểm

- Tốc độ đóng mở nhanh (0.6 - 1.5 m/s) với tần suất 300 lần/ngày.
- Thân cửa bằng các lá hợp kim nhôm ghép lại tạo độ chắc chắn cao.
- Cách âm, chống chịu va đập với sức cản gió cấp 10 (110 km/h).
- Có cảm biến tự động cuốn ngược khi gặp vật cản hạn chế rủi ro.

Thông số kỹ thuật

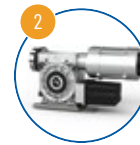
Kích thước tối đa (WxH)	6000x6000 (mm) / Theo yêu cầu
Tốc độ đóng/mở	0.6 - 1.5 (m/s)
Chất liệu nan cửa	Nhôm định hình
Độ dày nan cửa	9.5 (mm)
Màu sắc nan cửa	Kem (tiêu chuẩn) / Tùy chọn
Tần suất đóng / mở	300 (lần / ngày)
Chỉ số chống bụi và nước	IP54 / IP65
Nhiệt độ làm việc	10°C (Không đông tuyết)
Hệ thống vận hành	Tùy chọn dựa trên tần suất, diện tích khu vực đóng mở, điều kiện môi trường
Thiết bị an toàn	Cảm biến an toàn

Vị trí lắp đặt

Dùng làm cửa chính, lắp ngay vị trí khu vực xuất nhập, nơi có mật độ lưu thông cao hỗ trợ kiểm soát an ninh, bụi bẩn và côn trùng như kho logistic, xưởng sản xuất và chế biến.



Nan cửa bằng nhôm định hình

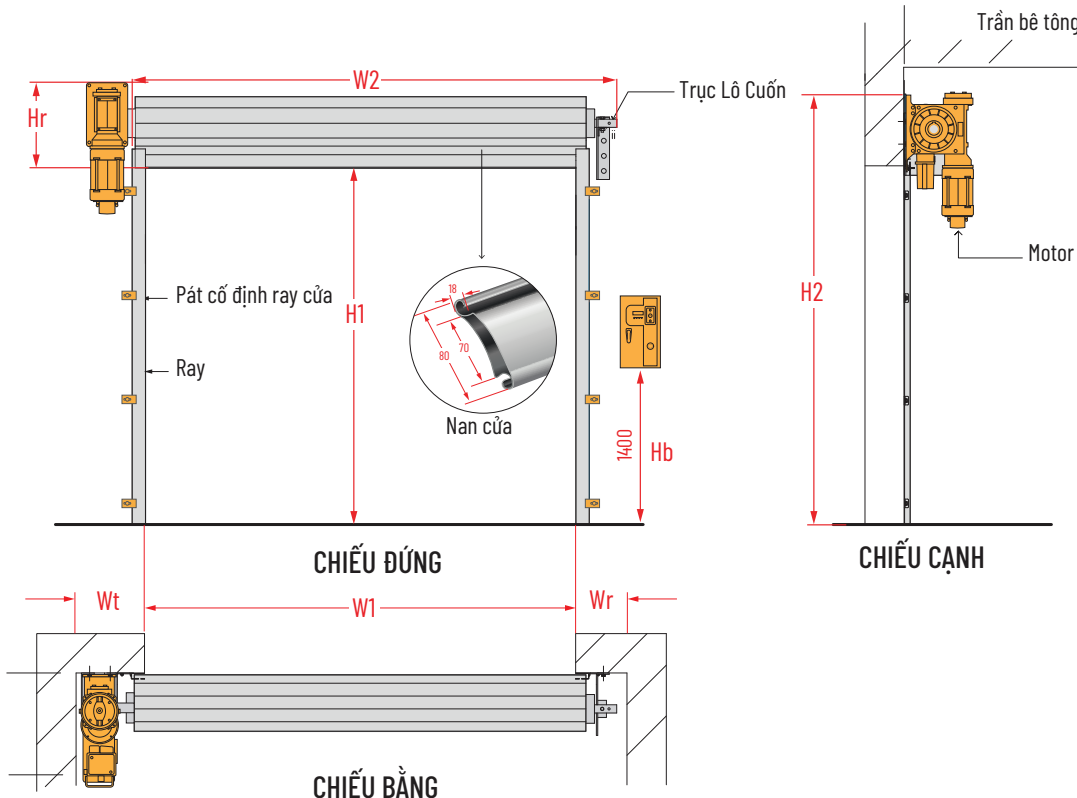


Motor



Ray cửa

Bản vẽ



H_r: Khoảng không (khoảng cách giữa đỉnh mở và trần).

H₁: Chiều cao thông thủy (lọt lòng).

W₁: Chiều rộng thông thủy (lọt lòng).

H₂: Chiều cao phủ bì.

W₂: Chiều rộng phủ bì.

W_r: Khoảng hở tối thiểu để lắp cửa phía không có motor.

W_t: Khoảng hở tối thiểu để lắp cửa phía motor.

H_b: Chiều cao đặt tủ điều khiển (tiêu chuẩn 1400 mm).

Ưu điểm

- Đóng mở linh hoạt (1 - 2 m/s) với tần suất 300 lần/ngày.
- Nan nhôm định hình có lớp foam PU ở giữa ngăn thất thoát nhiệt.
- Kháng gió, đảm bảo an ninh và không bị rung lắc khi đạt tốc độ cao.
- Có cảm biến tự động cuộn ngược khi gặp vật cản hạn chế rủi ro.

Thông số kỹ thuật

Kích thước tối đa (WxH)	8000x8000 (mm) / Theo yêu cầu
Tốc độ đóng/mở tối đa	1 - 2 (m/s)
Tần suất đóng mở	300 (lần / ngày)
Nan cửa	Nhôm định hình
Màu sắc nan cửa	Xám, xanh, trắng, nhôm, vàng (màu tiêu chuẩn) / Theo yêu cầu
Công nghệ	Sơn tĩnh điện tiêu chuẩn ASTM
Nhiệt độ làm việc	Từ -25°C đến 0°C (Không đông tuyết)
Chỉ số chống bụi và nước	IP54 / IP65
Độ ồn	R<25dB
Công suất (motor)	Dựa theo diện tích cửa và môi trường sử dụng
Thiết bị an toàn	Cảm biến an toàn
Thiết bị vận hành	Tùy chọn dựa trên tần suất, diện tích khu vực đóng mở, điều kiện môi trường

Vị trí lắp đặt

Sử dụng ở khu vực cửa chính, nơi có tần suất vận chuyển hàng hóa ra vào thường xuyên. Phù hợp cho những kho có nhiệt độ hoạt động từ -25 đến 0 độ C, chống thất thoát nhiệt và ngăn côn trùng.



Nan cửa nhôm định hình có foam PU cách nhiệt



Kết cấu các nan cửa

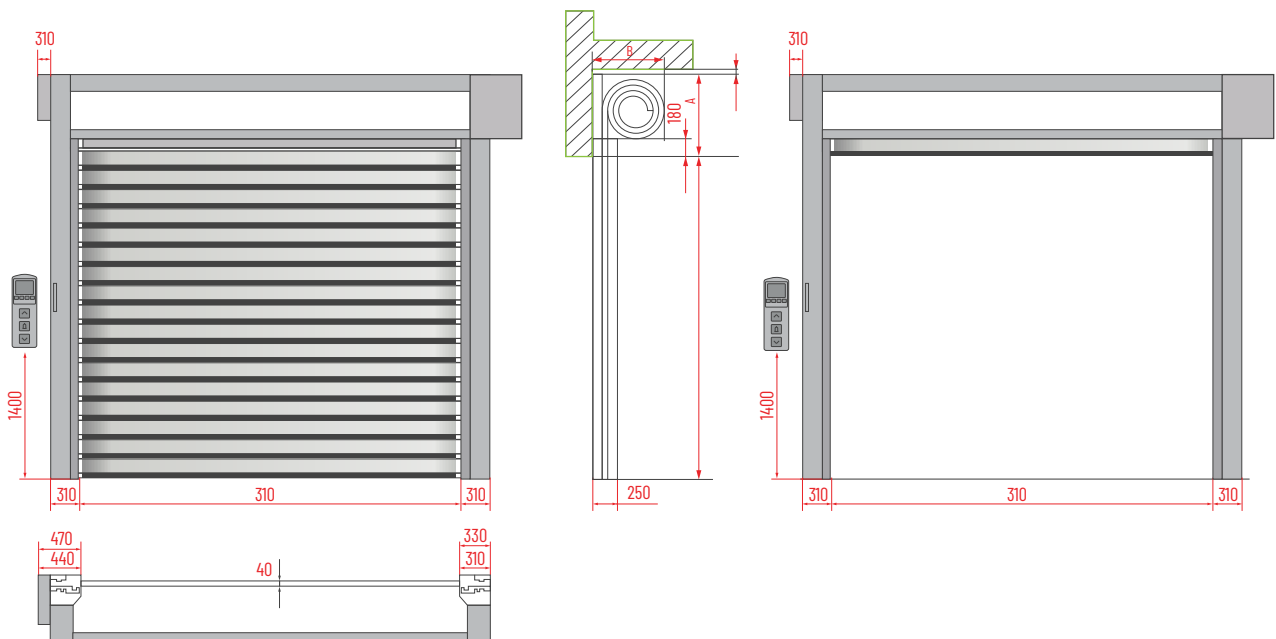


Ray xoắn ốc cửa



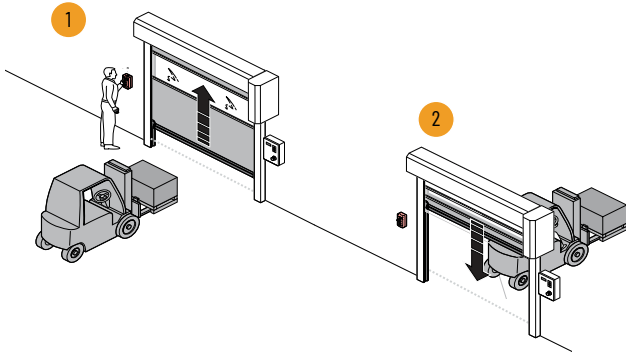
Motor

Bản vẽ

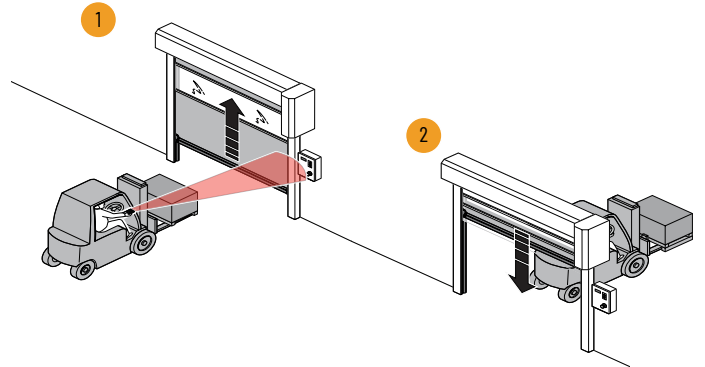


Cách vận hành cửa

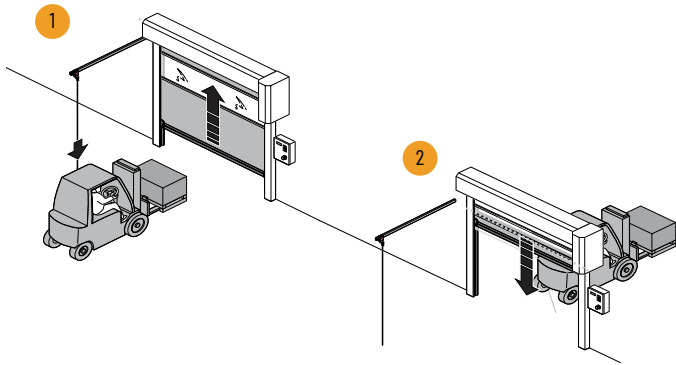
Nút Nhấn



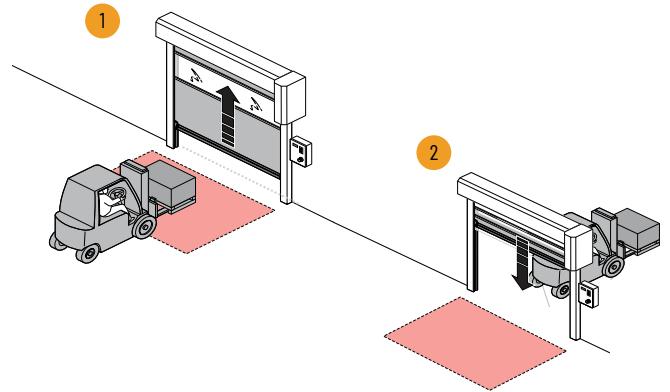
Điều Khiển Từ Xa



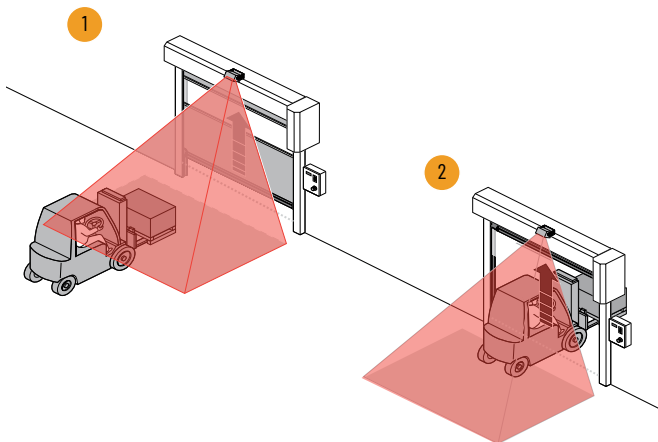
Giật Dây



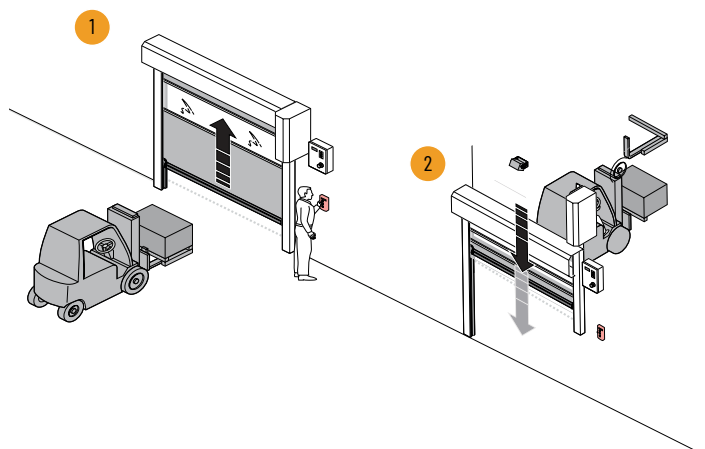
Cảm Biến Nền



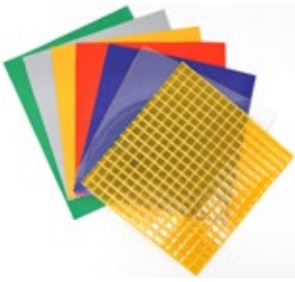
Cảm Biến Chuyển Động



Khóa Điện Tử



Phụ kiện cửa



Màn nhựa PVC



Ray cửa



Tủ điều khiển



Motor



Cảm biến Airbag



Hộp che lô cuốn



Trụ cảnh báo



Remote



Đèn cảnh báo



Bộ lưu điện



Hộp điều khiển



Công tắc hành trình



Radar cảm biến



Cảm biến tai nghe



Cảm biến quang Autonic



Cảm biến vân tay

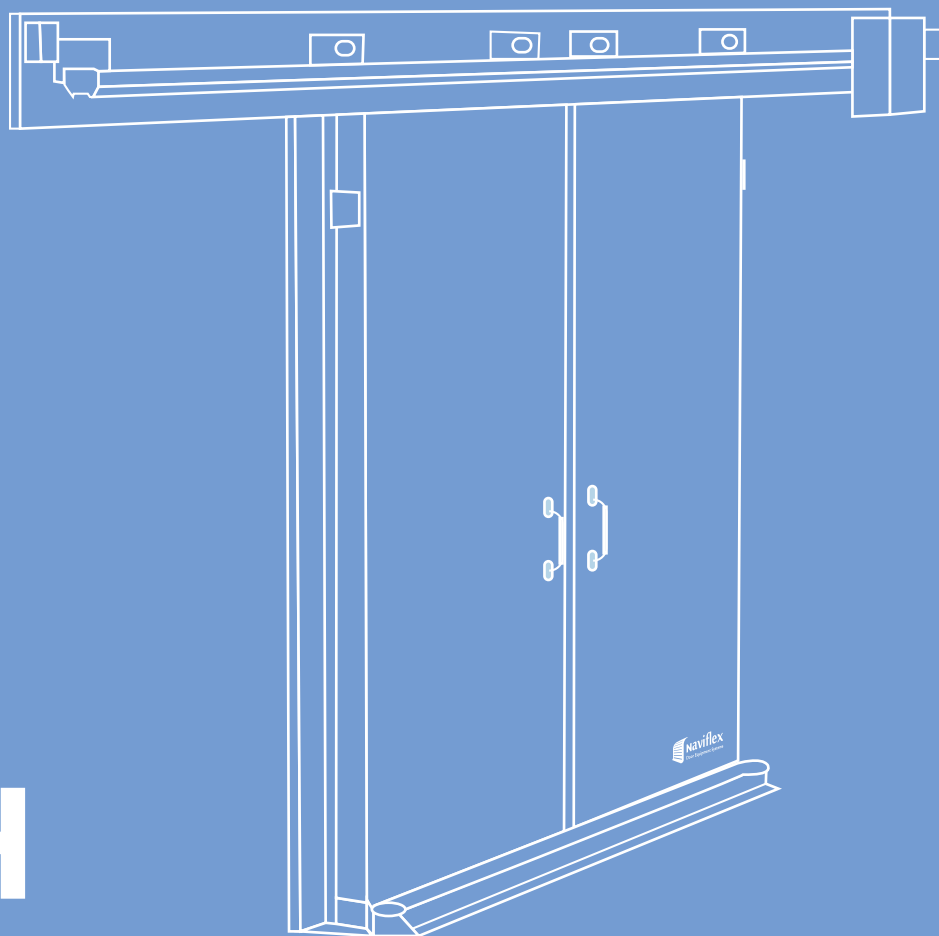


Cảm biến nền



Thẻ từ

CỬA KHO LẠNH



Ưu điểm

- Chất liệu nhôm/thép anod hóa, kháng nước, chống gỉ.
- Có khả năng cách điện, cách âm và chống va đập tốt.
- Gioăng cao su ép chặt khung cánh ngăn thất thoát nhiệt tối ưu.
- Hoạt động bền bỉ từ -50 độ C đến 0 độ C, không đông tuyết.

Thông số kỹ thuật

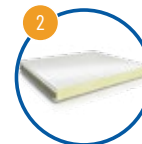
Kích thước cửa (WxH)	Theo yêu cầu
Vật liệu cánh cửa	INOX 304
Vật liệu lõi cửa	Foam PU - Polyurethane
Tỷ trọng Foam PU cách nhiệt	40 (kg / m ³)
Khung, viền cửa	Hợp kim nhôm, dày 2.5 (mm), anod hóa
Cơ chế đóng, mở	Bằng tay cầm
Cường độ chịu nén	0.20 - 0.29Mpa
Tỷ lệ bọt kín	95%
Độ dày cánh	40 / 50 / 75 / 100 / 125 (mm)
Nhiệt độ làm việc	-50°C đến 0°C (Không đông tuyết)

Vị trí lắp đặt

Cửa thường được lắp đặt bên trong kho lạnh, những khu vực đòi hỏi yếu tố khắt khe về nhiệt độ như phòng sạch, nhà máy chế biến thủy, hải sản...



Bản lề

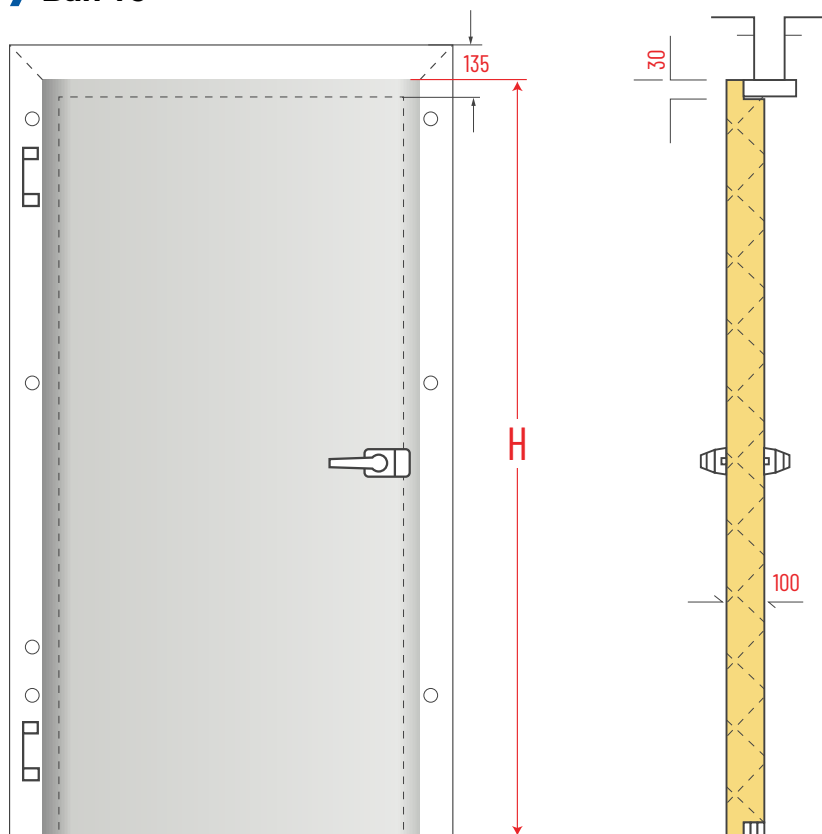


Panel cách nhiệt



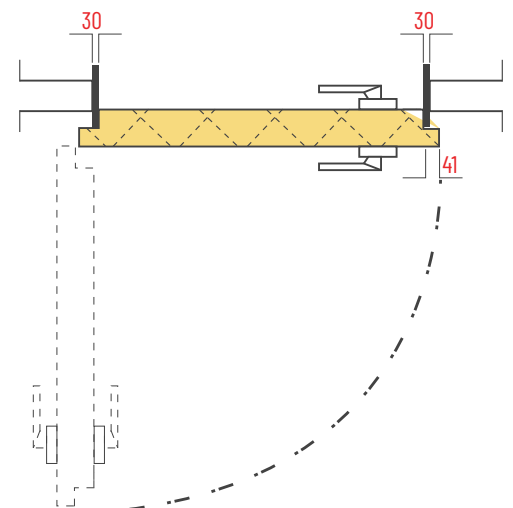
Khóa tay cầm

Bản vẽ



H: Chiều cao thông thủy cửa.

W: Chiều rộng thông thủy cửa.



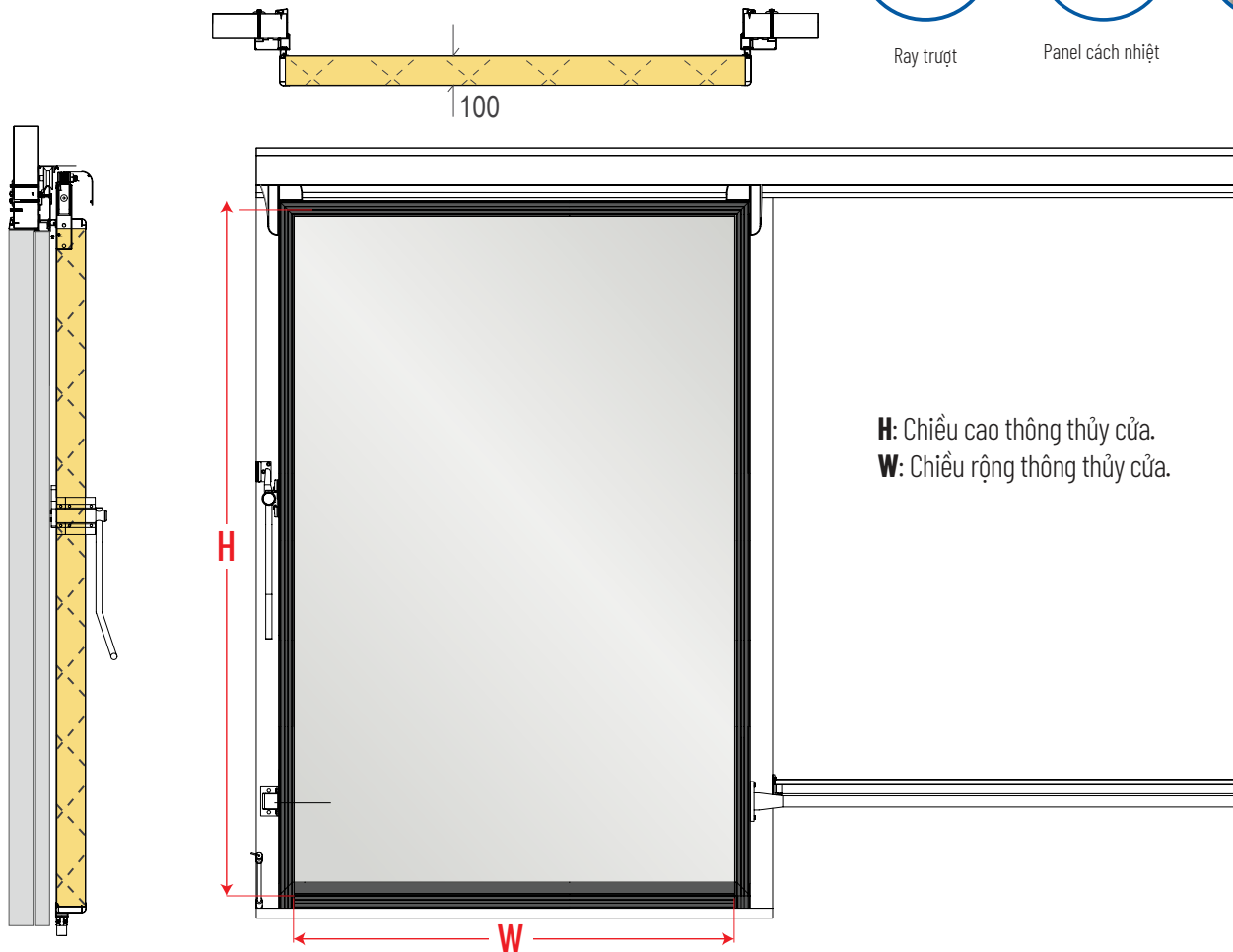
Ưu điểm

- Chốt khóa đa điểm ép chặt khung cửa ngăn thoát hơi lạnh.
- Cách âm, cách điện và chống oxy hóa tối đa.
- Đóng mở linh hoạt nhờ ray trượt chắc chắn và bền bỉ.
- Hoạt động tốt trong độ lạnh âm sâu khoảng -50 độ C.

Thông số kỹ thuật

Kích thước cửa (WxH)	Theo yêu cầu
Vật liệu cánh cửa	INOX 304
Vật liệu lõi cửa	Foam PU - Polyurethane
Tỷ trọng Foam PU cách nhiệt	40 (kg / m ³)
Khung, viền cửa	Hợp kim nhôm, dày 2.5 (mm), anod hóa
Cường độ chịu nén	0.20 - 0.29 Mpa
Tỷ lệ bọt kín	95%
Độ dày cánh	40 / 50 / 75 / 100 / 125 (mm)
Nhiệt độ làm việc	-50°C đến 0°C (Không đông tuyết)

Bản vẽ

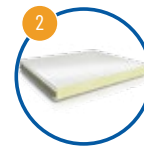


Vị trí lắp đặt

Thường được ứng dụng tại kho lạnh âm sâu ngăn cách nhiệt độ bên trong và bên ngoài. Hệ thống cửa tự động hóa thiết kế chuyên dụng cho phòng sạch, lưu trữ hàng hóa, vaccine...



Ray trượt



Panel cách nhiệt



Motor

Ưu điểm

- Cơ chế tự động xoay về vị trí ban đầu nhanh chóng và linh hoạt.
- Màn nhựa PVC tạo tầm nhìn xuyên suốt, hạn chế xảy ra va chạm.
- Chất liệu Inox chống va đập, chịu được khí hậu khắc nghiệt.
- Lõi foam PU tăng tính chịu nhiệt và cách âm tối ưu.

Thông số kỹ thuật

Kích thước (WxH)	Theo yêu cầu
Độ dày cánh	50 mm
Chất liệu bề mặt cánh cửa	Inox 304
Khung, viền cửa	Inox
Tỷ lệ bọt kín	95%
Cường độ chịu nén	0.20 - 0.29 Mpa
Nhiệt độ làm việc	-5°C đến +50°C

Vị trí lắp đặt

Cửa được lắp trong kho giữa khu vực sản xuất và nhà kho cần ngăn lạnh, chống bụi bẩn và côn trùng như kho dược, kho đông lạnh, thủy hải sản, kể cả siêu thị và trung tâm thương mại...



Tấm cao su giảm chấn

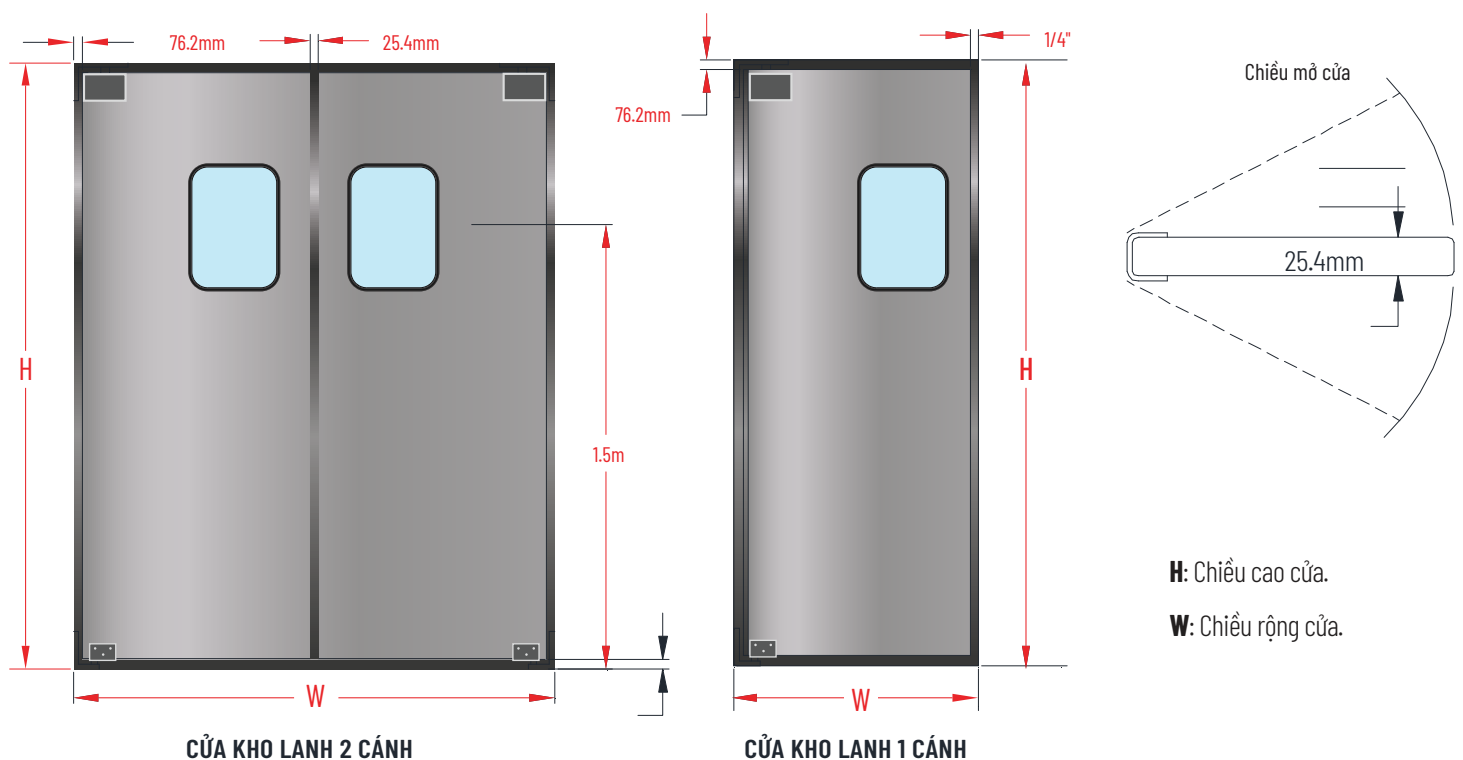


Pát cửa



Cửa sổ

Bản vẽ



Cách vận hành cửa

1



2



Phụ kiện cửa



Goăng cao su



Khóa cầm tay



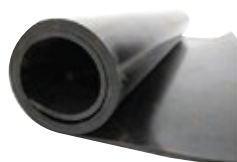
Panel cách nhiệt



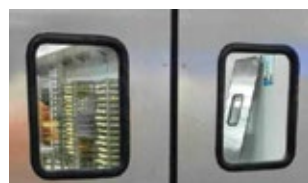
Motor



Bản lề

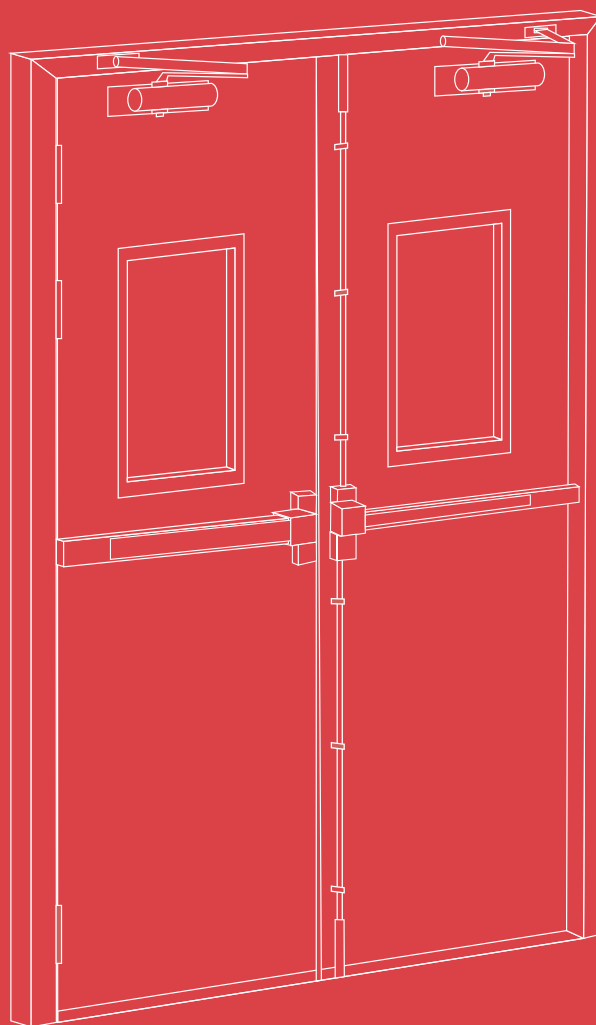


Tấm cao su giảm chấn



Cửa sổ

CỬA CHỐNG CHÁY



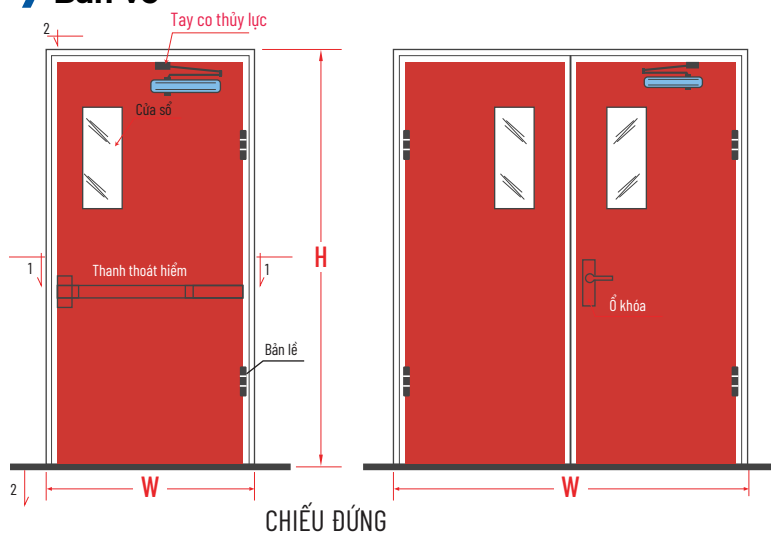
Ưu điểm

- Cấu tạo từ 2 lớp thép phủ sơn tĩnh điện giúp chống cháy tốt.
- Lõi cách nhiệt tỷ trọng 100kg/m³ giúp cách âm, cách nhiệt.
- Cửa không bị cong vênh do lửa đảm bảo an toàn người và cửa.
- Nhiều cấp độ chống cháy 60 phút, 70 phút, 90 phút đến 120 phút.

Thông số kỹ thuật

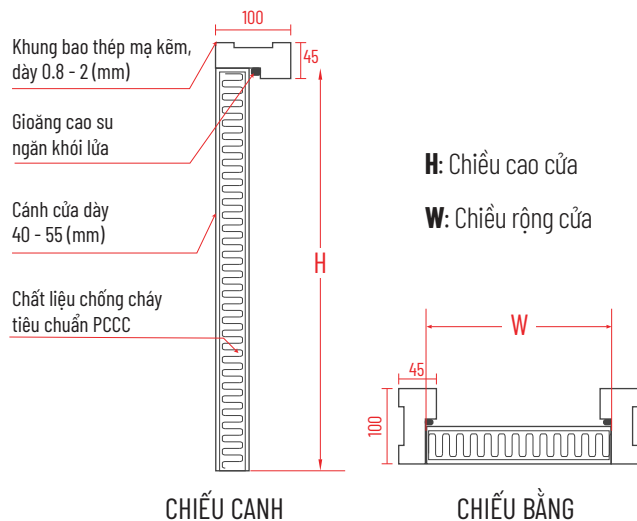
Kích thước tối đa 1 cánh (WxH)	1260x2550 (mm)
Kích thước tối đa 2 cánh (WxH)	2510x2550 (mm)
Chất liệu mặt cửa	Thép mạ kẽm
Bên trong lõi	Chất liệu cách nhiệt
Độ dày mặt cửa	0.8 - 2 (mm)
Độ dày cánh cửa	40 - 55 (mm)
Khung cửa	Thép mạ kẽm, dày 0.8 - 1.2 (mm)
Kích thước mặt cắt ngang khung cửa	50x100 (mm)
Độ dày cửa sổ (tùy chọn)	5 - 12 (mm)
Thời gian chống cháy	60 / 90 / 120 phút
Doorsill	Inox SU304, dày 1.2 (mm)
Công nghệ	Sơn tĩnh điện chống cháy

Bản vẽ



Vị trí lắp đặt

Lắp tại các khu vực dành cho lối đi thoát hiểm của các nhà máy, chung cư, trung tâm thương mại, bệnh viện, siêu thị...



Cửa thép 1 cánh (không chống cháy)



Thông số tiêu chuẩn

Chất liệu mặt cửa	Thép mạ kẽm
Độ dày mặt cửa	0.8 - 2 (mm)
Doorsill	Inox SU304, dày 1.2 (mm)
Khung cửa	Thép mạ kẽm, dày 0.8 - 1.2 (mm)
Cửa sổ	Tùy chọn theo yêu cầu
Công nghệ	Sơn tĩnh điện tiêu chuẩn ASTM

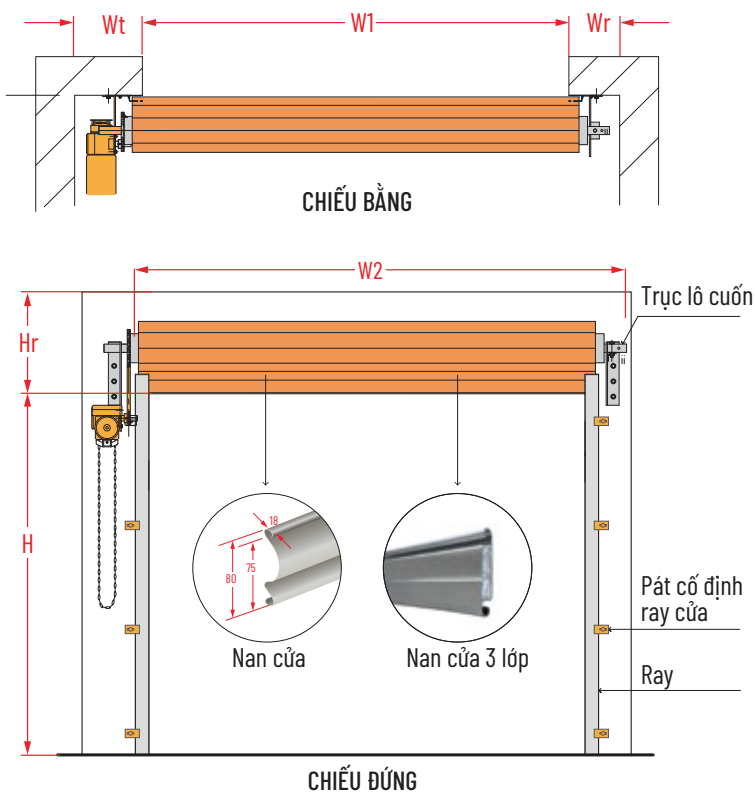
Ưu điểm

- Cảm biến tự động đóng cửa khi gặp sự cố, ngăn cháy lan.
- Khả năng chống chịu nhiệt cao, không bị biến dạng.
- Cách âm, chống khói bụi hiệu quả.
- Nhiều cấp độ chống cháy từ 60 phút, 70 phút, 90 phút đến 120 phút.

Thông số kỹ thuật

Kích thước cửa (WxH)	6000x6000 (mm) / Theo yêu cầu
Chất liệu nan cửa, hộp che lô cuốn	Thép mạ kẽm
Loại nan cửa	1 lớp / 3 lớp
Khung	Thép hộp, hàn cố định
Sơn	Sơn tĩnh điện chống cháy
Độ dày sơn	300 - 700 (micro)
Tải trọng (motor chống cháy)	300 - 2000 (kg)
Cơ chế đóng, mở	Hạ từ trên xuống
Thời gian chống cháy	60 / 90 / 120 phút

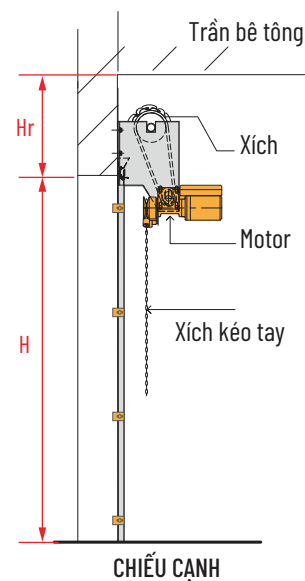
Bản vẽ



- Hr:** Khoảng không (khoảng cách giữa đỉnh mở và trần).
H1: Chiều cao thông thủy (lọt lòng).
W1: Chiều rộng thông thủy (lọt lòng).

Vị trí lắp đặt

Phù hợp lắp đặt giữa 2 khu vực phân xưởng trong nhà máy, cửa ra vào tại các kho lưu trữ hàng hóa hoặc gara xe...



- H2:** Chiều cao phủ bì
W2: Chiều rộng phủ bì.
Wr: Khoảng hở tối thiểu để lắp cửa phía không có motor.
Wt: Khoảng hở tối thiểu để lắp cửa phía motor.

Ưu điểm

- Thiết kế ray dẫn hướng có gioăng cao su ngăn khói, chống ồn.
- Hoạt động tốt trong nhiệt độ cao, không gây biến dạng.
- Tích hợp hệ thống báo cháy giúp thoát hiểm kịp thời.
- Chất liệu đặc biệt cách nhiệt, ngăn cháy hiệu quả từ 60 - 120 phút.

Thông số kỹ thuật

Kích thước cửa (WxH)	1260x2505 (mm)
Vật liệu	Thép mạ kẽm
Độ dày cánh	40 - 55 (mm) (Theo yêu cầu)
Độ dày khung cửa (WxH)	0.8 - 1.2 (mm)
Kích thước mặt cắt ngang khung cửa	50x100 (mm)
Lõi cánh	Chất liệu chống cháy tiêu chuẩn PCCC
Doorsill	Inox SU304
Cơ chế đóng, mở	Hệ thống trượt
Sơn	Sơn tĩnh điện chống cháy
Thời gian chống cháy	60 / 90 / 120 phút
Tùy chọn cửa sổ	Kính, dày 5 - 6 (mm)
Hệ thống chống cháy	Motor, con lăn, con trượt

Vị trí lắp đặt

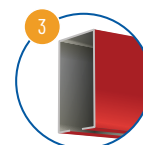
Lắp đặt giữa 2 khu vực phân xưởng trong nhà máy, vừa tạo lối đi thông thoáng lại hỗ trợ tối ưu khả năng chống cháy, cách điện, cách âm, bảo vệ người và tài sản.



Bản cửa có lõi chống cháy

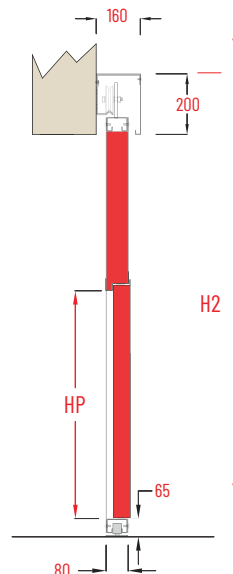
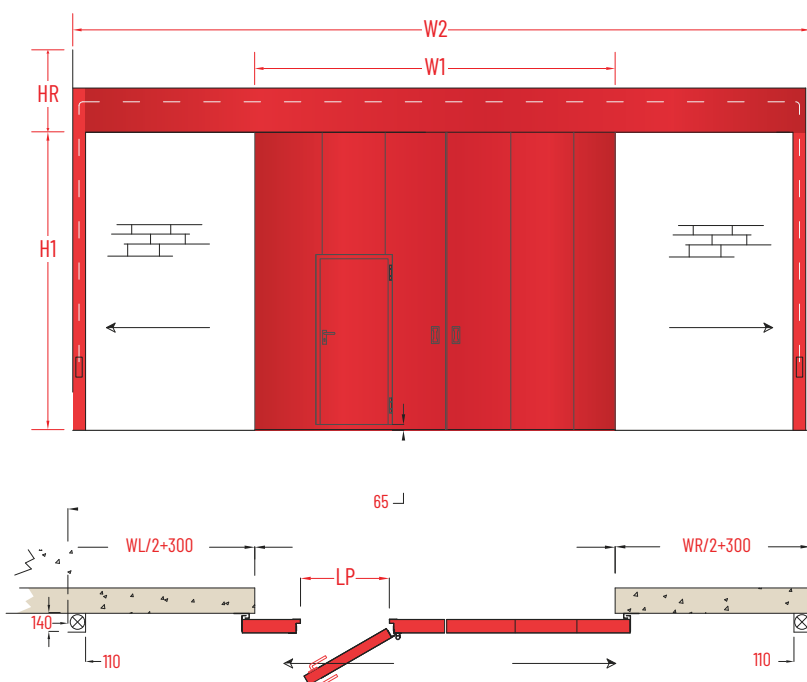


Bộ cảm biến báo cháy



Ray cửa

Bản vẽ



- Hr:** Khoảng không (khoảng cách giữa đỉnh mở và trần).
- H1:** Chiều cao thông thủy.
- W1:** Chiều rộng thông thủy.
- H2:** Chiều cao phủ bì.
- W2:** Chiều rộng phủ bì.
- P:** Chiều cao cửa phụ.
- LP:** Chiều rộng cửa phụ.

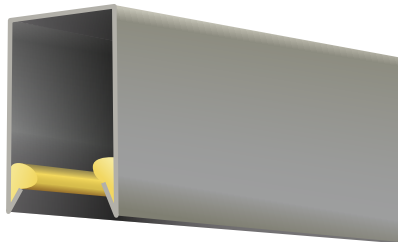
Phụ kiện cửa



Motor chống cháy



Bộ cảm biến cháy



Ray cửa



Tay cơ thủy lực



Thanh thoát hiểm



Lá thép có lõi chống cháy



Khóa cửa chống cháy

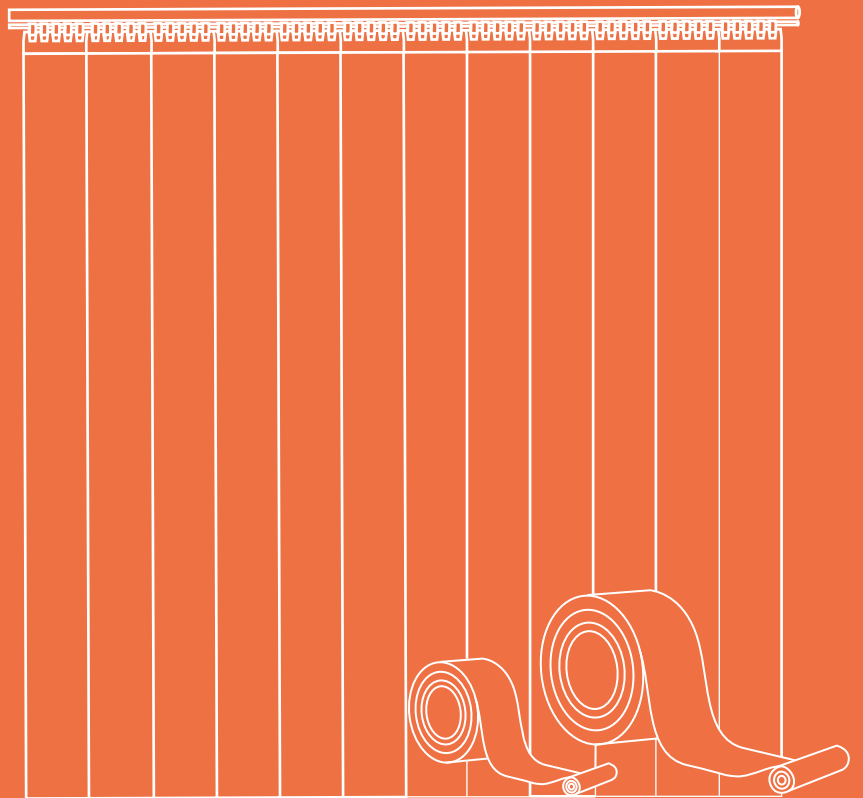


Bản lề



- 1 Khi xảy ra vụ cháy, cảm biến nhiệt và hệ thống cảm biến khói truyền thông tin tới hệ thống.
- 2 Sau khi được nhận tín hiệu hệ thống điều khiển truyền tín hiệu tới hệ thống báo cháy.
- 3 Hệ thống báo cháy vang lên báo hiệu cho người trong khu vực biết có đám cháy xảy ra.
- 4 Cửa chống cháy sau khi nhận tín hiệu từ hệ thống sẽ tự động đóng nhằm hạn chế sự lây lan của đám cháy sang những khu vực khác.
- 5 Người trong khu vực thoát ra bằng cửa thoát hiểm chống cháy.

MÀN NHỰA PVC





Thông Số Kỹ Thuật

Chất liệu	Polyvinylclorua
Độ dày	1 - 3 (mm)
Bản rộng khổ nhỏ	200 - 300 (mm)
Bản rộng khổ lớn	1200x1600 (mm)
Màu sắc	Trắng sữa, xanh trong, xanh biển, xanh ngọc, vàng, đỏ, đen
Loại màn PVC	Khổ lớn, khổ nhỏ, vách ngăn
Độ dài cuộn	50 - 150 (m)
Bề mặt	Trơn / Có gân

Phụ Kiện

26



Thanh treo (Inox hoặc sắt sơn tĩnh điện).



Pát treo (Inox hoặc sắt sơn tĩnh điện).

Vị Trí Lắp Đặt

Dân dụng:

- Làm rèm cửa bên trong phòng ngủ ngăn thất thoát nhiệt.
- Vách ngăn giữa phòng khách và nhà bếp.
- Màn chắn bụi và nước mưa tại ban công, cửa chính...

Công nghiệp:

- Rèm cửa chống côn trùng bên trong nhà máy sản xuất & chế biến.
- Vách ngăn giữa các khu vực hỗ trợ kiểm soát nhiệt độ và bụi bẩn.
- Sử dụng tại khu vực thi công, chế tác, cần chắn tia lửa hàn.
- Rèm kéo lùa tại các gara, cửa hàng chăm sóc xe máy, ô tô...

▼ Màn Nhựa PVC Trắng Sữa / Che Khuất Tầm Nhìn



● **Trơn mịn**

Độ dày (mm)	Bản rộng (mm)
2.0	200

▼ Màn Nhựa PVC Xanh Ngọc / Ngăn Tĩnh Điện



● **Trơn mịn**

Độ dày (mm)	Bản rộng (mm)
2.0	200, 300

▼ Màn Nhựa PVC Xanh Trong, Trong Suốt / Ngăn Lạnh, Ngăn Bụi



● **Trơn mịn**

Độ dày (mm)	Bản rộng (mm)
1.5	200
2.0	200, 300
3.0	200, 300



● **Gân sóng đôi**

Độ dày (mm)	Bản rộng (mm)
2.0	200
3.0	300



● **Trơn mịn**

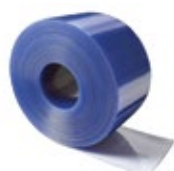
Độ dày (mm)	Bản rộng (mm)
1.5	200
2.0	200, 300
3.0	200, 300



● **Trơn mịn**

Độ dày (mm)	Bản rộng (mm)
1.0	20
1.5	20
2.0	15
3.0	30

▼ Màn Nhựa PVC Xanh Biển / Ngăn Lạnh Âm Sâu



● **Trơn mịn**

Độ dày (mm)	Bản rộng (mm)
2.0	200
3.0	300



● **Gân sóng đôi**

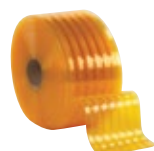
Độ dày (mm)	Bản rộng (mm)
2.0	200
3.0	300

▼ Màn Nhựa PVC Vàng Trong / Ngăn Côn Trùng



● **Trơn mịn**

Độ dày (mm)	Bản rộng (mm)
1.5	200
2.0	200, 300
3.0	200, 300



● **Gân sóng đôi**

Độ dày (mm)	Bản rộng (mm)
2.0	200
3.0	300

▼ Màn Nhựa PVC Đỏ Trong, Đen / Ngăn Tia Lửa Hàn



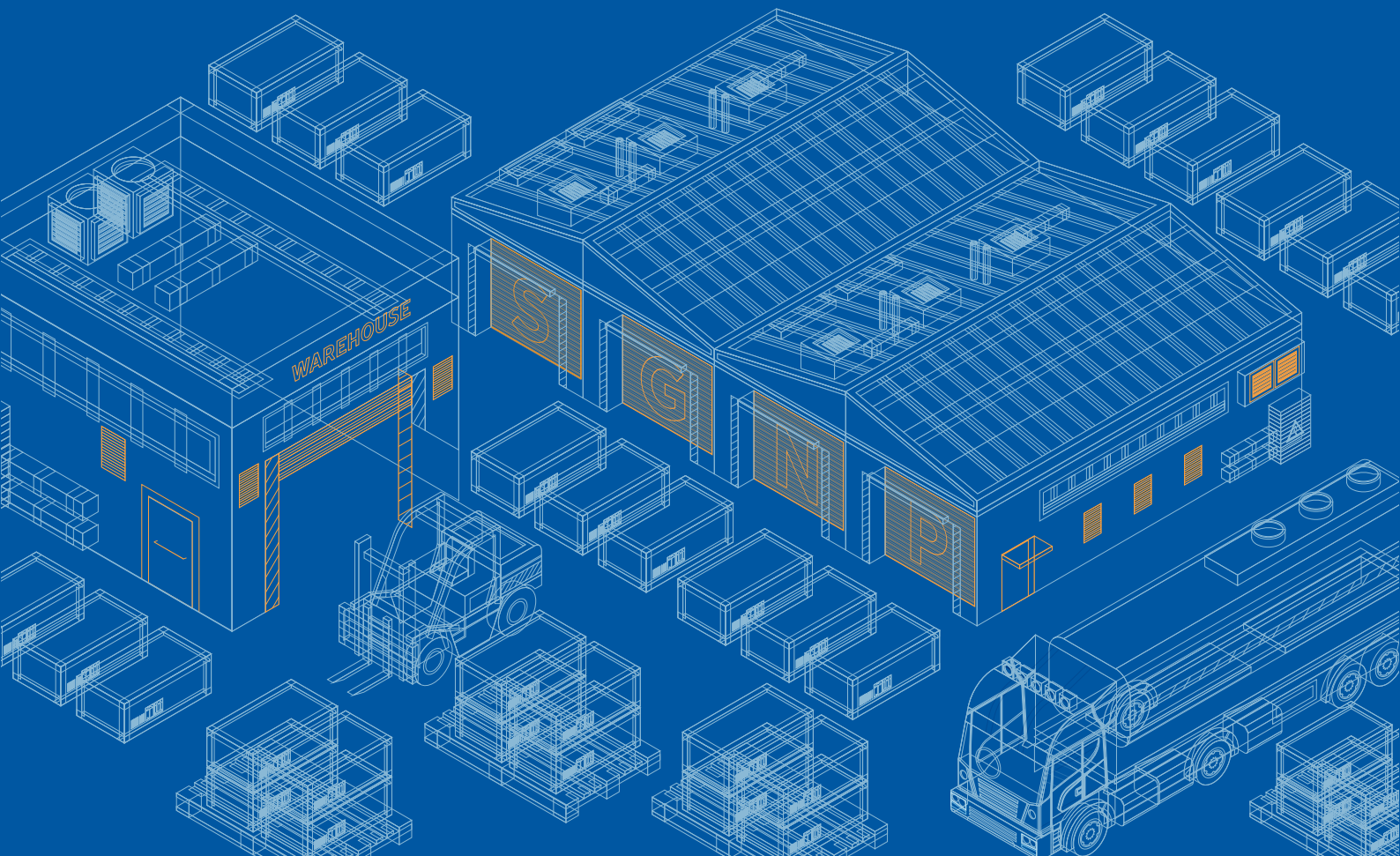
● **Trơn mịn**

Độ dày (mm)	Bản rộng (mm)
1.5	200
2.0	200, 300
3.0	200, 300



● **Trơn mịn**

Độ dày (mm)	Bản rộng (mm)
2.0	200
3.0	300





HỆ THỐNG CỬA CÔNG NGHIỆP NAVIFLEX

✉ sales@naviflex.vn

🌐 www.naviflex.vn

TRỤ SỞ CHÍNH

📍 21 Quách Đình Bảo, Phường Phú Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

☎ (+84) 938 828 242

CHI NHÁNH HÀ NỘI

📍 Số 15 liên kề 11A khu Đô thị Mỗ Lao, Phường Mỗ Lao, Quận Hà Đông, Hà Nội, Việt Nam.

☎ (+84) 24 7307 3339

